

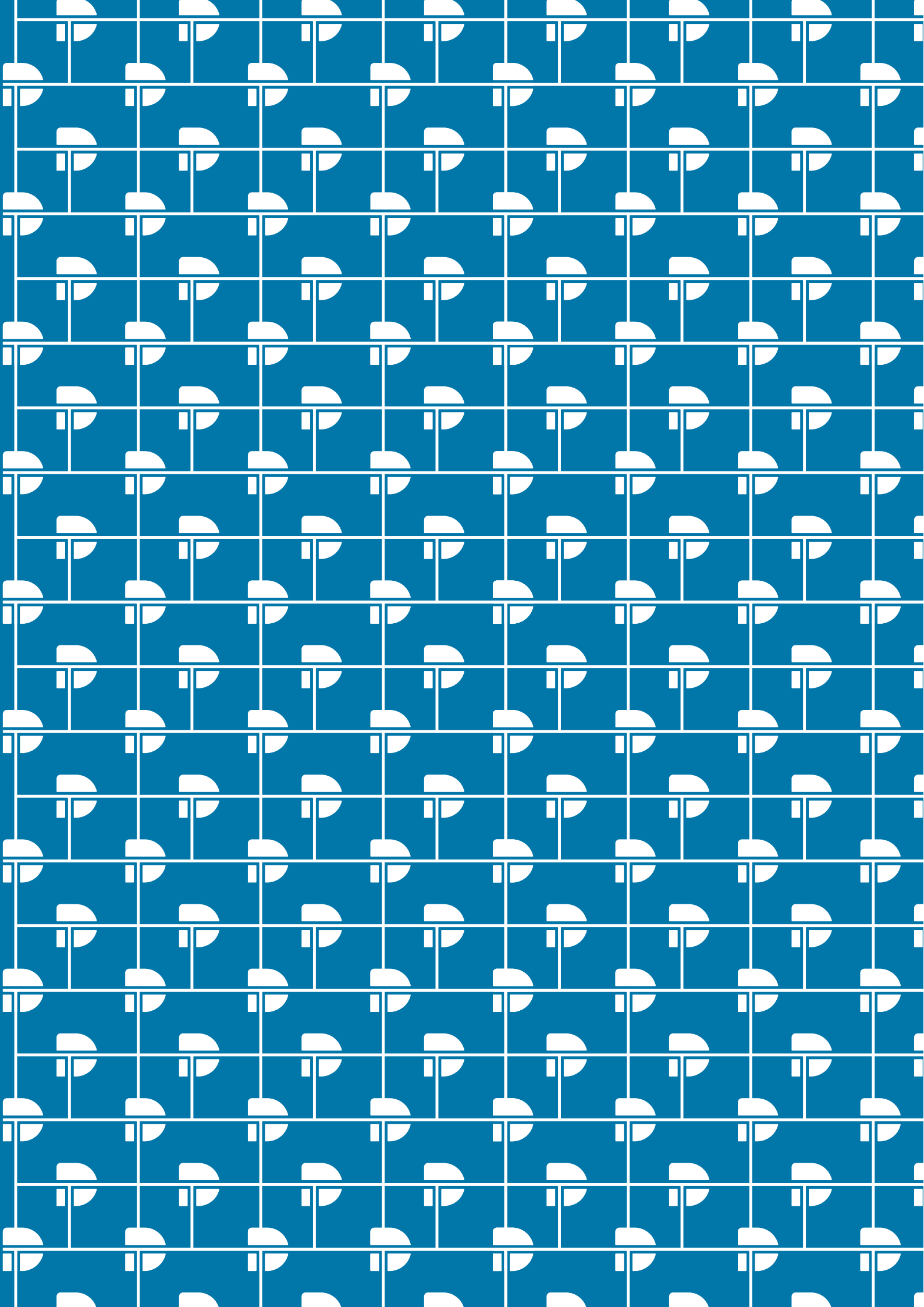


ĐẠI TÂN

Một Thương hiệu của Tập đoàn Nhôm **ALP** 

CATALOGUE SẢN PHẨM





MỤC LỤC

VỀ ĐẠI TÂN & GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

1. Xử lý bề mặt và màu sắc	07
2. Chức năng cửa	08
3. Tính năng của cửa	09
4. Chính sách bảo hành	13
5. Chính sách đổi trả	15

HỆ SẢN PHẨM

Hệ DT55	19	Đế Nẹp	58
1 Đặc Tính & Tính Năng	19	Tủ Trưng Bày Truyền Thống	59
2 Danh Mục Mặt Cắt	22	Hệ Nhôm Trang Trí	65
Hệ DT65	33	Hệ Chấn Song	72
1 Đặc Tính & Tính Năng	33	Mái Hiên Di Động	75
2 Danh Mục Mặt Cắt	35	Khung Năng Lượng Mặt trời	81
Hệ Vát Cạnh 55	39	Các Sản Phẩm Biến Dạng Cơ Bản	84
1 Đặc Tính & Tính Năng	39		
2 Danh Mục Mặt Cắt	42		
Hệ DT93	43		
1 Đặc Tính & Tính Năng	43		
2 Danh Mục Mặt Cắt	45		
Hệ DT700	47		
1 Đặc Tính & Tính Năng	47		
2 Danh Mục Mặt Cắt	49		
Hệ DT1000 & DT1000T	53		
1 Đặc Tính & Tính Năng	53		
2 Danh Mục Mặt Cắt	55		

VỀ ĐẠI TÂN & GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Hơn 20 năm bề dày kinh nghiệm, Đại Tân - thương hiệu nhôm quốc dân bền vững của mọi nhà với sứ mệnh khởi tạo những ứng dụng bền vững và an cư cho cộng đồng. Mỗi sản phẩm của Đại Tân luôn đồng hành cùng những giá trị cốt lõi: Chất lượng vượt trội từ độ dày đến màu sơn bền chắc. Không ngừng đổi mới với kiểu dáng đa dạng. Sản phẩm phát triển bền vững cùng cộng đồng và dễ tiếp cận bởi tính ứng dụng cao & giá thành hợp lý.

Xây nhà là xây tổ ấm. Xây tổ ấm là khởi tạo một cuộc sống vững bền. Xây cuộc sống vững bền phải bắt đầu từ những khung nhôm bền vững. Mỗi sản phẩm ĐẠI TÂN là tổng hòa của những giá trị bền vững, như điểm tựa chuẩn mực của “khung bền” để xây nên một “tổ ấm” trọn vẹn, đúng nghĩa.



CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

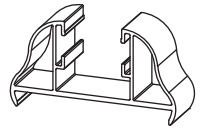






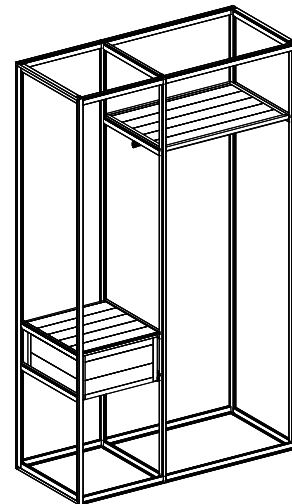
KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG

1. Cửa cuốn
2. Cửa chính
3. Cửa sổ
4. Vách ngăn nhôm kính
5. Lan can
6. Trần nhôm, vách lam nhôm
7. Lá lamri
8. Lá sách
9. Mái che
10. Mái giếng trời



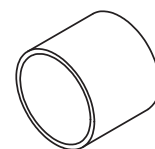
ĐỂ NẾP

HÀNG DỪNG LÂU BỀN

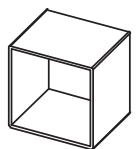


TỦ KỆ

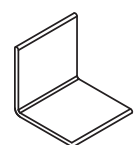
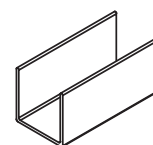
BIÊN DẠNG TIÊU CHUẨN



NHÔM ỐNG



NHÔM HỘP



THANH U - V

XỬ LÝ BỀ MẶT & MÀU SẮC

SƠN TĨNH ĐIỆN là công nghệ sơn tạo màu cho thanh nhôm bằng hạt bột khô (tích điện +), bám lên bề mặt thanh nhôm (tích điện -) hình thành liên kết lực tĩnh điện bám dính bền chặt, bảo vệ bề mặt nhôm an toàn.

-  Hơn 10.000 Màu sắc
-  Đồng đều màu sắc
-  Độ bền màu tối đa (> 25) năm
-  Tiết kiệm (>30%) chi phí bảo trì
-  Thân thiện với môi trường

MÀU SẮC



VÂN GỖ là hình thức sơn tĩnh điện kết hợp với giai đoạn chuyển nhiệt tạo nên các hiệu ứng vân gỗ khác nhau.

-  Vẻ đẹp chân thực từ vân gỗ
-  Bền màu tối đa đến > 15 năm
-  Giảm chi phí bảo trì so với gỗ tự nhiên
-  Đa dạng sắc độ, loại vân gỗ

MÀU SẮC

(*nhôm thông dụng và nhôm XF)



XI MẠ là quá trình sử dụng điện cực để tạo một lớp phủ cứng và tạo màu cho thanh nhôm, làm tăng độ cứng, bền chắc.

-  Màu sắc đa dạng
-  Đáp ứng các màu sắc cơ bản
-  Bảo vệ tốt ngay cả môi trường biển

MÀU SẮC



CHỨC NĂNG CỬA

Với sự lựa chọn đúng đắn, cửa đóng vai trò rất lớn trong việc tạo ra sự thoải mái, an toàn và tiết kiệm năng lượng trong nhà, đồng thời giữ “nhiệm vụ” bảo vệ và mang đến sự an toàn cho bạn, duy trì sự riêng tư, phân chia không gian và ngăn chặn các tác nhân bên ngoài như tiếng ồn, mưa gió...



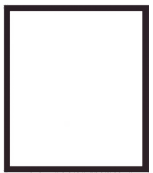
MỞ QUAY

Cửa mở quay được mở ra từ bên hông, cho phép lối đi lại dễ dàng và thông gió ra ngoài



MỞ HẤT

Cửa mở hất được mở hất ra từ phía dưới, cho phép thông gió có kiểm soát và tiết kiệm không gian nội thất.



CỐ ĐỊNH

Vách cố định thường chia các không gian, mang lại sự riêng tư và yếu tố trang trí hoặc lấy sáng tối đa cho không gian.



MỞ QUAY VÀ LẬT

Cửa quay và lật đem lại các tùy chọn thông gió linh hoạt với cả chức năng lật trên cùng và quay bên hông đảm bảo an toàn.



CỬA LÙA

Cửa lùa được mở theo cách di chuyển theo chiều ngang hoặc đứng trên các thanh ray, tối ưu hóa việc sử dụng không gian và mang lại vẻ hiện đại.



CỬA LÙA XẾP

Cửa lùa xếp được mở theo cách đưa toàn bộ cánh cửa về 1 hoặc 2 bên để tạo ra khoảng rộng, kết nối 2 không gian lại với nhau: ví dụ trong nhà và ngoài trời.

TÍNH NĂNG CỦA CỬA

Lựa chọn các tính năng phù hợp là một trong những yếu tố nâng cao giá trị tài sản của không gian sử dụng và mang lại lợi thế lâu dài về mặt sức khỏe, tài chính cho người đầu tư, sử dụng không gian đó.

ĐỘ KÍN KHÍ

(Tham khảo TCVN 7452)

Cửa kín khí đem lại khả năng ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự dịch chuyển của không khí trong và ngoài thông qua khe hở nhằm duy trì nhiệt độ trong nhà cũng như ngăn cản bụi bẩn từ bên ngoài bảo vệ không gian sống sạch sẽ. Cửa kín khí giúp giữ cho không khí trong nhà luôn được sạch sẽ, thoải mái, đồng thời tiết kiệm chi phí sưởi ấm và làm mát.

Khả năng này được đánh giá thông qua độ lọt khí (được đo bằng máy) khi cửa chịu một mức áp suất thổi nhất định.

MỨC ÁP SUẤT THỬ NGHIỆM	ĐỘ LỌT KHÍ TIÊU CHUẨN
100-150 Pa	16.6 l/s/cm ²

ĐỘ KÍN NƯỚC

(Tham khảo TCVN 7452)

Cửa kín nước đem lại khả năng ngăn chặn nước từ bên ngoài xâm nhập vào không gian bên trong. Tại Việt Nam, khí hậu nóng ẩm, nhiều mưa bão nên việc lựa chọn cửa có mức độ kín nước tốt là rất quan trọng. Cửa có mức độ kín nước tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi hư hỏng do nước, đồng thời tiết kiệm chi phí sửa chữa.

Cửa có mức độ kín nước càng cao thì khả năng ngăn nước càng tốt.

Khả năng này thể hiện qua kết quả nước có lọt, bắn vào không gian nhà hay không khi cửa chịu phun nước và áp suất thổi nhất định trong một khoảng thời gian cho phép

MỨC PHUN NƯỚC THỬ NGHIỆM V= 2 LÍT NƯỚC	
ÁP SUẤT KIỂM TRA	THỜI GIAN KIỂM TRA
0 Pa	15 phút
50 Pa	20 phút
100 Pa	25 phút
150 Pa	30 phút

**KHẢ NĂNG
CHỊU TẢI
GIÓ***(Tham khảo
TCVN 2737)*

Cửa chịu tải gió là khả năng chịu được áp lực của gió. Tại Việt Nam, khí hậu có gió mạnh và mưa bão nên việc lựa chọn cửa có mức độ chịu tải gió tốt là rất quan trọng. Cửa có mức độ chịu tải gió tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi bị hư hỏng, đồng thời đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Khả năng này thể hiện qua mức biến dạng của các thanh trên cửa khi chịu một mức áp suất gió nhất định.

ÁP SUẤT KIỂM TRA	BIẾN DẠNG CHO PHÉP
500 Pa	L/200

**VẬN HÀNH
KHUÔN
CÁNH***(Tham khảo
TCVN 9366)*

Cửa có khả năng chống trộm là loại cửa được thiết kế và chế tạo với các tính năng nhằm ngăn chặn hoặc cản trở việc đột nhập trái phép vào ngôi nhà. Việc lựa chọn cửa có khả năng chống trộm tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi bị đột nhập, đảm bảo an toàn cho tài sản và cuộc sống của các thành viên.

Khả năng này sẽ được đánh giá thông qua việc sử dụng các công cụ gây hỏng hóc cửa, khóa trong một thời gian nhất định

TÊN LỰC TÁC DỤNG	KIỂU LOẠI CỬA SỔ		
	Kiểu mở theo bản lề	Kiểu mở theo hướng trượt ngang	Kiểu mở theo hướng trượt dọc
Lực khởi động đóng, mở	80	80	120
Lực duy trì khuôn cánh di chuyển	65	65	100

**ĐÓNG
MỞ CỬA***(Tham khảo
TCVN 9366)*

Kiểm tra việc vận hành cửa trong điều kiện cửa đã hoàn thành để đánh giá cũng như đảm bảo chất lượng của cửa.

Khả năng vận hành thể hiện thông qua thực hiện kiểm tra đóng, mở cửa không có hư hỏng, cửa hoạt động ổn định.

LỰC ĐÓNG, MỞ THỬ NGHIỆM	MỨC
500 N	Không hư hại Chuyển vị góc đỉnh về phía cho phép

ĐỘ BỀN

(Tham khảo
TCVN 12217)

Độ bền của cửa được thể hiện qua số chu kỳ đóng mở, tức là số lần cửa có thể mở và đóng mà không bị hỏng hóc hoặc suy yếu đáng kể. Bằng cách lựa chọn cửa có kết cấu chắc chắn, sử dụng phụ kiện có độ bền cao, lắp đặt đúng kỹ thuật, giúp cửa bền bỉ và sử dụng được lâu dài.

Những mức độ thể hiện độ bền thông qua số chu kỳ đóng mở

LỰC MỞ CỬA F=100 N		
MỨC ĐỘ	SỐ CHU KỲ ĐO ĐƯỢC	LOẠI CỬA ÁP DỤNG
Level 1	5,000	Cửa sổ
Level 2	10,000	Cửa sổ
Level 3	20,000	Cửa sổ
Level 4	50,000	Cửa đi
Level 5	100,000	Cửa đi
Level 6	200,000	Cửa đi

**KHẢ NĂNG
CÁCH ÂM**

(Tham khảo
TCVN 4109)

Cửa cách âm là khả năng giảm thiểu và ngăn chặn tiếng ồn, âm thanh từ bên ngoài truyền vào bên trong không gian nhà. Cách âm của cửa đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra không gian yên tĩnh và thoải mái bên trong ngôi nhà hoặc tòa nhà.

Con người sẽ cảm thấy dễ chịu nếu nghe được âm thanh có cường độ < 70 dB. Ví dụ, nếu tiếng ồn bên ngoài có cường độ 60 dB và cửa cách âm giảm 30 dB, thì tiếng ồn truyền vào trong nhà sẽ chỉ còn 30 dB.

Bảng cường độ âm thanh hàng ngày

	TƯƠNG ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH	KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN CỦA CON NGƯỜI
0 dB	Hoàn toàn không nghe thấy âm thanh	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
10 dB	Hơi thở của chúng ta	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
20 dB	Tiếng lá rơi	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
30 dB	Tiếng lá xào xạc	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
40 dB	Tiếng thì thầm	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
50 dB	Lượng mưa vừa phải	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
60 dB	Cuộc nói chuyện bình thường	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
70 dB	Chợ ồn ào, tiếng ồn ngoài đường	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
80 dB	Hội trường ồn ào, nhà in	Rời xa và tìm cách hạn chế tiếng ồn.
90 dB	Nhà máy sản xuất	Mỗi ngày chịu tối đa được 1 giờ
110 dB	Tiếng nhạc Rock	Chịu tối đa được 15 phút khi mang bảo hộ
130 dB	Phi cơ cất cánh, còi xe cứu hỏa	Chịu tối đa được 15 phút khi mang bảo hộ



CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

THỜI GIAN BẢO HÀNH MÀU SƠN

Thương hiệu	Sản phẩm áp dụng	Thời gian bảo hành màu sơn	
		Miễn phí (Đã bao gồm trong giá bán)	Báo giá theo yêu cầu
ĐẠI TÂN	DT 55 Màu M01, M02, G01, G02	5 năm	Từ 6 – 15 năm
	Tất cả sản phẩm còn lại (Bao gồm nhóm Nhôm Trang Trí)	2 năm	Từ 3 – 10 năm

TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BẢO HÀNH

- Sản phẩm còn thời hạn bảo hành.
- Bên được bảo hành không vi phạm các điều trong mục 8 thuộc “Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm” của An Lập Phát.
- Bên được bảo hành tuân thủ thời gian vệ sinh và bảo trì theo mục 9 thuộc “Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm” của An Lập Phát.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Cung cấp hồ sơ đầy đủ: Phiếu thanh toán, phiếu bảo hành.
- Khiếu nại về chất lượng sản phẩm phải được gửi đến ALP bằng văn bản/ email trong vòng 30 ngày kể từ khi phát hiện sai hỏng.



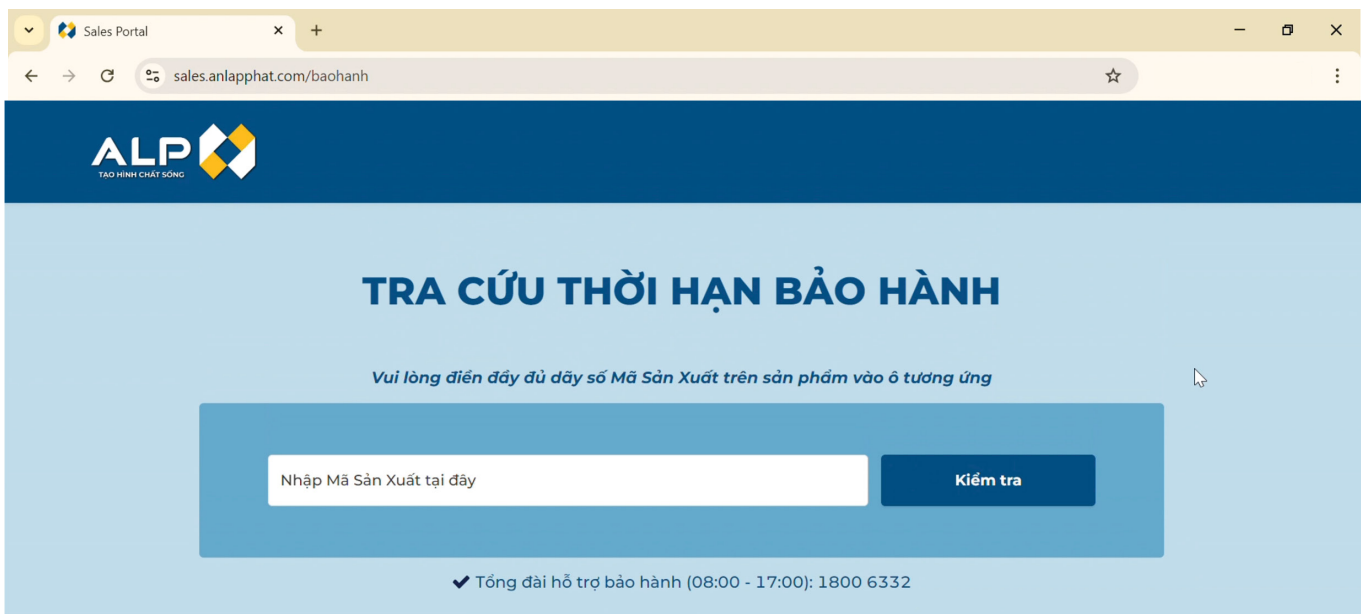
Thông tin
“Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm”

HƯỚNG DẪN TRA CỨU

Bước 1: Tìm “Mã sản xuất” trên thanh nhôm An Lập Phát



Bước 2: Truy cập vào website <https://sales.anlapphat.com/baohanh>



Bước 3: Nhập “Mã sản xuất” vào ô tìm kiếm và chọn “Kiểm tra”



“Kết quả” sẽ xuất hiện bên dưới cùng với thông tin:

Mã sản xuất:

Mã sản phẩm:

Mặt cắt:

Thương hiệu:

Tên sản phẩm:

Ngày sản xuất:

Thời hạn bảo hành*:

*Thời hạn bảo hành tính từ ngày sản xuất

CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ

CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ SẢN PHẨM/ HÀNG HÓA _____

Đối tượng/ Phạm vi	Nguyên nhân	Đơn vị đổi	Giá trị thu hồi hàng đổi		Đơn vị trả	Giá trị thu hồi hàng trả		
			≤ 1 năm	≤ 2 năm		≤ 3 tháng	≤ 1 năm	≤ 2 năm
1. Lỗi do NSX/ALP	• ALP giao không đúng theo yêu cầu đặt hàng.	Nguyên bó	100%	70%	Nguyên bó	100%	-	-
	• Trầy, xước, móp do ALP. • Công năng. • Quy cách. • Thẩm mỹ.	Nguyên bó/ lẻ cây	100%	70%	Nguyên bó/ lẻ cây	100%	80%	60%
2. Lỗi không xác định ALP/ Quý Khách Hàng	• Trầy xước, móp...	Nguyên bó	100%	70%	Nguyên bó/ lẻ cây	80%	70%	60%
3. Yêu cầu từ Quý Khách Hàng	• Yêu cầu từ Quý Khách Hàng	Nguyên bó và đủ điều kiện Kinh Doanh	100%	70%	Nguyên bó	70%	60%	50%

GHI CHÚ:



THỜI GIAN ÁP DỤNG

Tính từ ngày xuất bán đến thời điểm ALP tiếp nhận thông tin khiếu nại từ Quý Khách Hàng.



ĐỐI VỚI HÀNG ĐỔI

Mã sản phẩm đổi hoặc thay thế theo thỏa thuận giữa Quý Khách Hàng và ALP.



HÀNG HÓA ÁP DỤNG

Sản phẩm nhôm thanh được xác định là của ALP, có mã khắc laser và tem nhãn truy xuất nguồn gốc. Không áp dụng cho hàng đặt riêng theo yêu cầu của Quý Khách Hàng.



CHI PHÍ VẬN CHUYỂN

ALP sẽ hỗ trợ chi phí vận chuyển nếu như có chuyển xe giao hàng. Nếu không có chuyển, Quý Khách Hàng sẽ chịu chi phí vận chuyển đối với hàng hóa đổi trả cho Mục 3.

CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ

QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ĐỔI TRẢ HÀNG HÓA _____

QUY ĐỊNH CHUNG

✓ Được đổi sản phẩm cùng loại nếu sản phẩm gặp sự cố không thể khắc phục được do lỗi kỹ thuật/chức năng của nhà máy sản xuất.

✓ Trường hợp không còn sản phẩm cùng loại, ALP sẽ thay thế sản phẩm khác có giá trị tương đương với sản phẩm lỗi.

ĐIỀU KIỆN ĐỔI TRẢ HÀNG HÓA

✓ Sản phẩm không vi phạm điều kiện bảo quản lưu trữ của sản phẩm, chưa sử dụng sản phẩm tại Đại lý/ Khách hàng.

✓ Cung cấp tem sản phẩm, mã số laser truy xuất nguồn gốc sản xuất sản phẩm.

✓ Sản phẩm không có dấu hiệu đã qua tẩy rửa/qua sử dụng trước đó.



HỆ SẢN PHẨM





HỆ DT55



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- DT55 được thiết kế với sự tinh tế, mang đến vẻ đẹp hiện đại cho không gian sống.
- Dễ dàng tùy chỉnh kích thước và phương án thiết kế.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Khả năng tối ưu hóa ánh sáng tự nhiên: Khung nhôm chắc chắn giúp tối ưu hóa lượng ánh sáng tự nhiên, mang đến không gian sống thông thoáng, tràn ngập ánh sáng.
- Áp dụng: Cửa đi, cửa sổ mở quay, cửa sổ lùa và vách ngăn.

TÍNH NĂNG THAM KHẢO

- Kín khí: $<12.5\text{m}^3/\text{h.m}^2$, áp suất $P=\pm 100\text{ Pa}$
- Kín nước: $P=200\text{ Pa}$ trong vòng 35 phút
- Áp lực gió: Áp suất $P=\pm 1000\text{ Pa}$
- Cách âm: 25 dB
- Khả năng chống trộm: Max level 2

(*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 1.5 m x H 2.6 m
Khối lượng cánh tối đa	150 kg/ cánh cửa đi
	80 kg/ cánh cửa sổ
Chiều sâu khung cánh	55 mm
Độ dày Profile	1.2 – 1.4 – 2.0 mm
Rãnh lắp kính	15-27mm
Ghép góc	45 độ
Chiều rộng nhìn thấy	89-121mm

MÀU SẮC



Xám (PXX)



Nâu (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Gỗ 2D
Gỗ Sồi Vàng (30)



Gỗ 3D
Linh Sam Xám (G01)

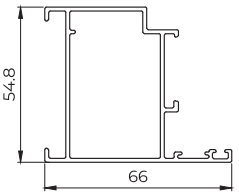
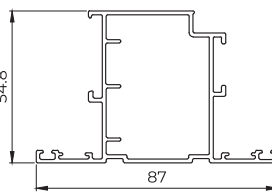
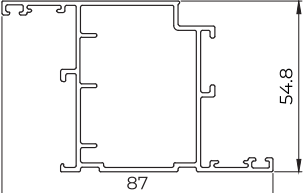
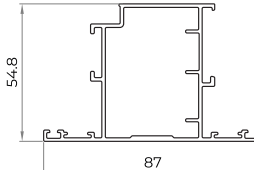
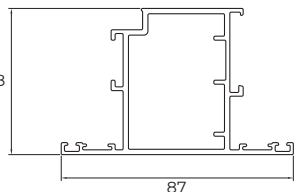
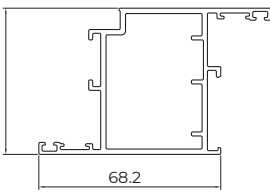
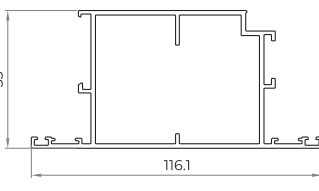
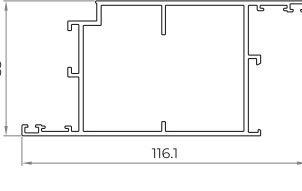
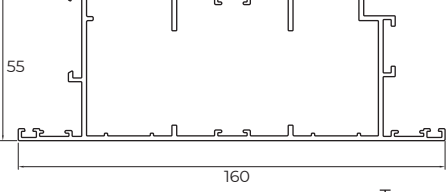
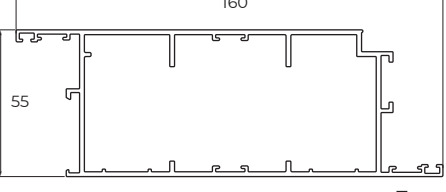
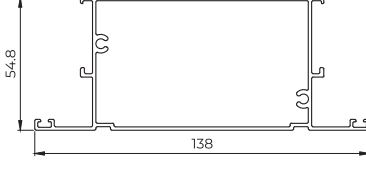
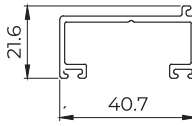


Gỗ 3D
Linh Sam Nâu (G02)

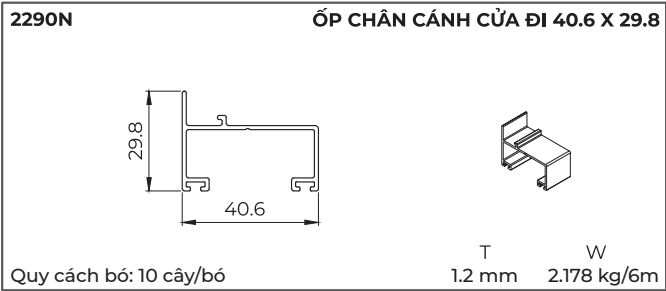




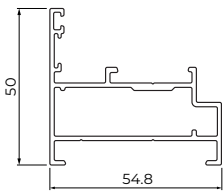
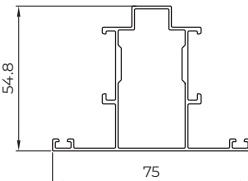
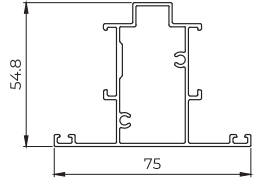
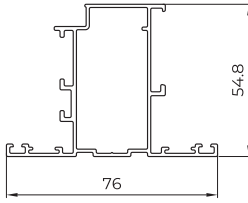
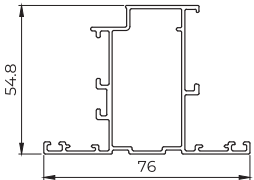
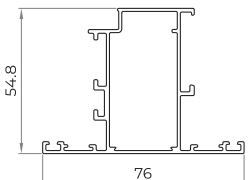
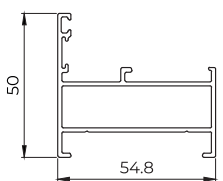
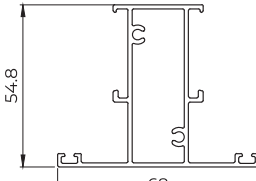
CỬA ĐI MỞ QUAY

3328  KHUNG BAO CỬA ĐI <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.170 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.890 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.562 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>6.736 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.350 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.0 mm	4.170 kg/6m	1.2 mm	4.890 kg/6m	1.4 mm	5.562 kg/6m	1.8 mm	6.736 kg/6m	2.0 mm	7.350 kg/6m	3303  CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>5.433 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>6.210 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.672 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>7.887 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.526 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.0 mm	5.433 kg/6m	1.2 mm	6.210 kg/6m	1.4 mm	6.672 kg/6m	1.8 mm	7.887 kg/6m	2.0 mm	8.526 kg/6m
T	W																								
1.0 mm	4.170 kg/6m																								
1.2 mm	4.890 kg/6m																								
1.4 mm	5.562 kg/6m																								
1.8 mm	6.736 kg/6m																								
2.0 mm	7.350 kg/6m																								
T	W																								
1.0 mm	5.433 kg/6m																								
1.2 mm	6.210 kg/6m																								
1.4 mm	6.672 kg/6m																								
1.8 mm	7.887 kg/6m																								
2.0 mm	8.526 kg/6m																								
3332  CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>5.433 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>6.228 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.672 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>7.887 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.688 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.0 mm	5.433 kg/6m	1.2 mm	6.228 kg/6m	1.4 mm	6.672 kg/6m	1.8 mm	7.887 kg/6m	2.0 mm	8.688 kg/6m	3303B CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN BÀN 87  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>7.063 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.4 mm	7.063 kg/6m								
T	W																								
1.0 mm	5.433 kg/6m																								
1.2 mm	6.228 kg/6m																								
1.4 mm	6.672 kg/6m																								
1.8 mm	7.887 kg/6m																								
2.0 mm	8.688 kg/6m																								
T	W																								
1.4 mm	7.063 kg/6m																								
3303D CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN BÀN 87  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.388 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 3 cây/bó	T	W	2.0 mm	8.388 kg/6m	3332B CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG KHÔNG GÂN  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.386 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 3 cây/bó	T	W	2.0 mm	8.386 kg/6m																
T	W																								
2.0 mm	8.388 kg/6m																								
T	W																								
2.0 mm	8.386 kg/6m																								
3303A CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN BÀN 116  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>9.864 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.8 mm	9.864 kg/6m	3332A CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG KHÔNG GÂN BÀN 116  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>9.772 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.8 mm	9.772 kg/6m																
T	W																								
1.8 mm	9.864 kg/6m																								
T	W																								
1.8 mm	9.772 kg/6m																								
3303C CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN BÀN 160  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>13.099 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.8 mm	13.099 kg/6m	3332C CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG KHÔNG GÂN BÀN 160  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>13.099 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.8 mm	13.099 kg/6m																
T	W																								
1.8 mm	13.099 kg/6m																								
T	W																								
1.8 mm	13.099 kg/6m																								
3304 CÁNH CỬA ĐI NGANG DƯỚI  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>9.132 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/bó	T	W	1.4 mm	9.132 kg/6m	3329 ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI 40.7 X 21.6  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.3 mm</td> <td>2.382 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 10 cây/bó	T	W	1.3 mm	2.382 kg/6m																
T	W																								
1.4 mm	9.132 kg/6m																								
T	W																								
1.3 mm	2.382 kg/6m																								

CỬA ĐI MỞ QUAY



CỬA SỔ MỞ QUAY

3318  50 54.8 T 1.0 mm 3.914 kg/6m 1.2 mm 4.494 kg/6m 1.4 mm 5.046 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó	3313 ĐỐ CỐ ĐỊNH CHIA CÁNH CỬA SỔ  54.8 75 T 1.0 mm 4.802 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó
3313 ĐỐ CỐ ĐỊNH CHIA CÁNH CỬA SỔ  54.8 75 T 1.2 mm 5.544 kg/6m 1.4 mm 6.366 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó	8092N CÁNH CỬA SỔ CÓ GÂN  54.8 76 T 1.2 mm 5.682 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó
8092 CÁNH CỬA SỔ CÓ GÂN  54.8 76 T 1.0 mm 5.030 kg/6m 1.4 mm 6.234 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó	8092B CÁNH CỬA SỔ KHÔNG GÂN  54.8 76 T 1.2 mm 5.779 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó
3209 KHUNG BAO CỐ ĐỊNH VÁCH KÍNH 50  50 54.8 T 1.0 mm 3.583 kg/6m 1.2 mm 4.254 kg/6m 1.4 mm 4.782 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó	3203 ĐỐ T CỐ ĐỊNH  54.8 68 T 1.0 mm 4.398 kg/6m 1.2 mm 5.082 kg/6m 1.4 mm 5.880 kg/6m Quy cách bó: 4 cây/bó

CỬA THỦY LỰC

50100

HỘP 50 X 100

Quy cách bó: 2 cây/bó

T

1.9 mm

W

9.087 kg/6m

3209B

ĐẾ VÁCH KÍNH 55

Quy cách bó: 8 cây/bó

T

1.4 mm

W

2.492 kg/6m

3306

NẮP ĐÁY CÁCH

Quy cách bó: 4 cây/bó

T

1.2 mm

W

2.885kg/6m

50200

HỘP 50 X 200

Quy cách bó: 1 cây/bó

T

1.9 mm

W

15.497 kg/6m

3305

BẮT LẮP BÀN LỀ SÀN

Quy cách bó: 2 cây/bó

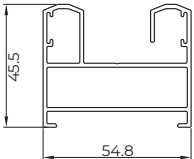
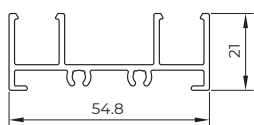
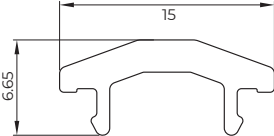
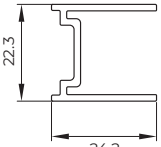
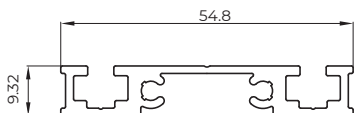
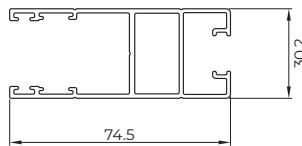
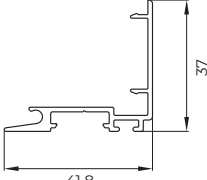
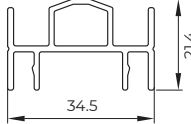
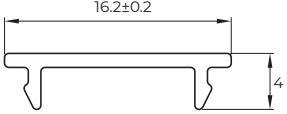
T

3.0 mm

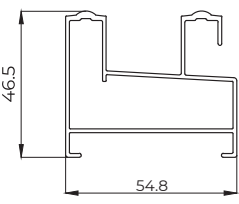
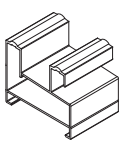
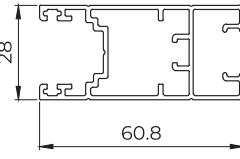
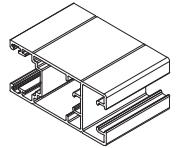
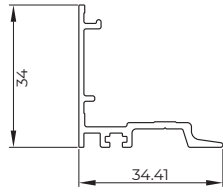
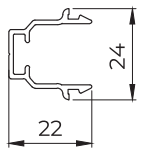
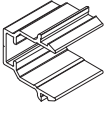
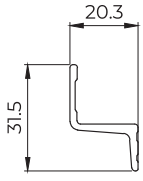
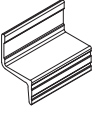
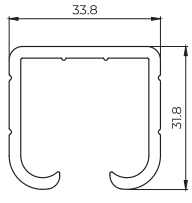
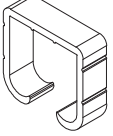
W

3.486 kg/6m

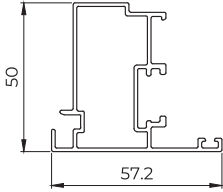
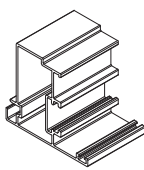
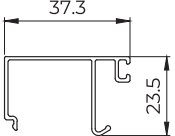
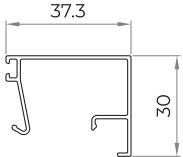
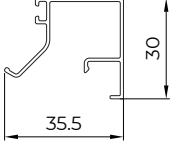
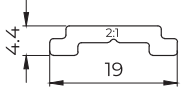
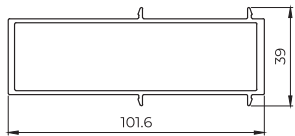
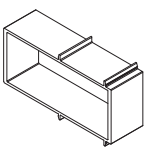
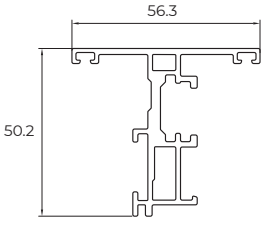
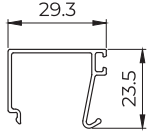
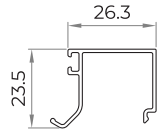
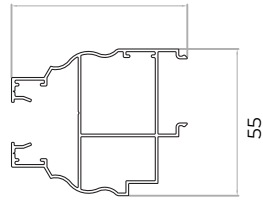
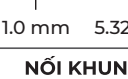
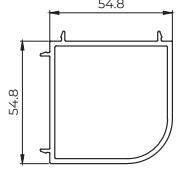
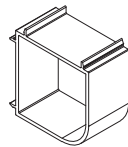
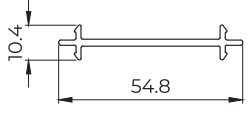
CỬA ĐI MỞ LÙA

23251 KHUNG BAO CỬA ĐI LÙA  Quy cách bó: 4 cây/bó T 1.4 mm W 6.091 kg/6m	23252 KHUNG BAO DƯỚI CỬA ĐI LÙA  Quy cách bó: 4 cây/bó T 1.5 mm W 3.631 kg/6m
23253 RAY LÙA  Quy cách bó: 30 cây/bó T 2 mm W 0.616 kg/6m	23254 ỐP KHÓA TRUNG GIAN  Quy cách bó: 8 cây/bó T 1.5 mm W 1.799 kg/6m
23255 RAY THẤP CỬA ĐI LÙA  Quy cách bó: 6 cây/bó T 1.4 mm W 3.303 kg/6m	23256 CÁNH CỬA ĐI MỞ LÙA  Quy cách bó: 4 cây/bó T 1.4 mm W 5.837 kg/6m
23257A THANH ỐP MÓC  Quy cách bó: 8 cây/bó T 1.3 mm W 2.399 kg/6m	23258 ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁNH  Quy cách bó: 4 cây/bó T 1.4 mm W 2.605 kg/6m
23259 ỐP CHE VIS CÁNH MÓC  Quy cách bó: 30 cây/bó T 1.0 mm W 0.359 kg/6m	

CỬA SỔ MỞ LÙA

23151  KHUNG BAO CỬA LÙA  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>1.0 mm</td><td>4.270 kg/6m</td></tr><tr><td>1.2 mm</td><td>4.956 kg/6m</td></tr><tr><td>1.4 mm</td><td>5.496 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.0 mm	4.270 kg/6m	1.2 mm	4.956 kg/6m	1.4 mm	5.496 kg/6m	23156  CÁNH CỬA MỞ LÙA  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>1.0 mm</td><td>4.260 kg/6m</td></tr><tr><td>1.2 mm</td><td>5.064 kg/6m</td></tr><tr><td>1.4 mm</td><td>5.250 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.0 mm	4.260 kg/6m	1.2 mm	5.064 kg/6m	1.4 mm	5.250 kg/6m
T	W																
1.0 mm	4.270 kg/6m																
1.2 mm	4.956 kg/6m																
1.4 mm	5.496 kg/6m																
T	W																
1.0 mm	4.260 kg/6m																
1.2 mm	5.064 kg/6m																
1.4 mm	5.250 kg/6m																
23157N  THANH ỐP MÓC  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>1.3 mm</td><td>2.026 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 8 cây/bó	T	W	1.3 mm	2.026 kg/6m	23158  THANH TRUNG GIÀN 4 CÁNH  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>1.2 mm</td><td>1.368 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 4 cây/bó	T	W	1.2 mm	1.368 kg/6m								
T	W																
1.3 mm	2.026 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	1.368 kg/6m																
23159  THANH CHẮN NƯỚC MƯA  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>1.0 mm</td><td>1.668 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 10 cây/bó	T	W	1.0 mm	1.668 kg/6m	0527F  THANH LÙA TREO  <table><tr><td>T</td><td>W</td></tr><tr><td>2.6 mm</td><td>4.320 kg/6m</td></tr></table> Quy cách bó: 8 cây/bó	T	W	2.6 mm	4.320 kg/6m								
T	W																
1.0 mm	1.668 kg/6m																
T	W																
2.6 mm	4.320 kg/6m																

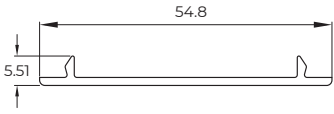
MÃ DÙNG CHUNG

22903  Quy cách bó: 4 cây/bó 	ĐỐ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỔ T W 1.2 mm 4.788 kg/6m 1.4 mm 5.376 kg/6m
3295  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỆP KÍNH 14MM T W 0.8 mm 1.427 kg/6m 1.0 mm 1.626 kg/6m
3296B  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỆP KÍNH CHÂN DÀI 13MM T W 1.0 mm 1.942 kg/6m
3225B  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỆP KÍNH CHÂN DÀI 24MM T W 1.0 mm 1.715 kg/6m
4590  Quy cách bó: 10 cây/bó 	THANH TRUYỀN KHÓA ĐA ĐIỂM T W 2.5 mm 0.864 kg/6m
3310  Quy cách bó: 2 cây/bó 	NỐI KHUNG VÁCH KÍNH 30 T W 1.6 mm 7.836 kg/6m
3323A  Quy cách bó: 2 cây/bó 	ĐỐ ĐỘNG MỞ 2 CHIỀU T W 1.4 mm 5.865 kg/6m
3296  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỆP KÍNH 13MM T W 1.0 mm 1.392 kg/6m
3236  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỆP KÍNH 24MM T W 1.0 mm 1.408 kg/6m
3295C  Quy cách bó: 4 cây/bó 	NỆP CÁNH PHÀO T W 1.0 mm 5.327 kg/6m
3326  Quy cách bó: 2 cây/bó 	NỐI KHUNG 90 ĐỘ T W 2.2 mm 7.620 kg/6m
3300  Quy cách bó: 10 cây/bó 	NỐI KHUNG VÁCH KÍNH T W 2.0 mm 2.286 kg/6m

MÃ DÙNG CHUNG

3300A

NẮP KHUNG VÁCH KÍNH



Quy cách bó: 10 cây/bó

T

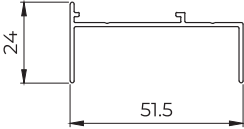
1.5 mm

W

1.509 kg/6m

1283

KHUNG LÁ SÁCH



Quy cách bó: 10 cây/bó

T

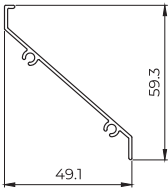
1.2 mm

W

1.866kg/6m

1920

LÁ SÁCH



Quy cách bó: 10 cây/bó

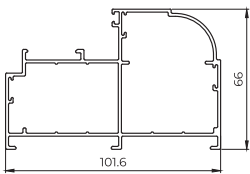
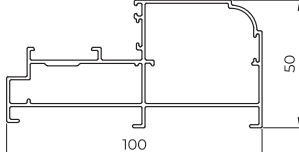
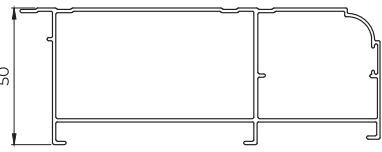
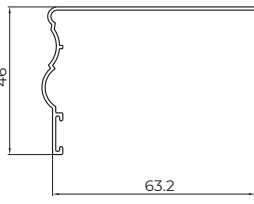
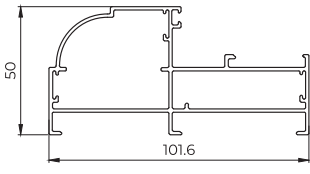
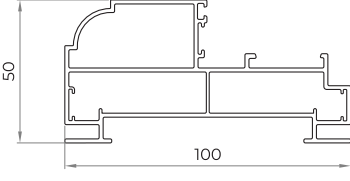
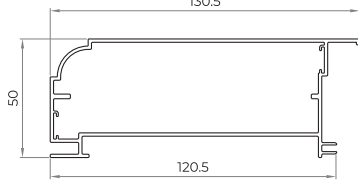
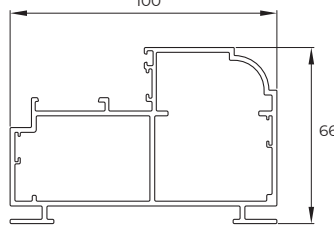
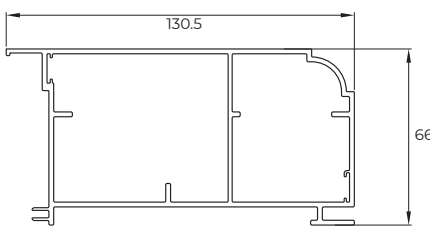
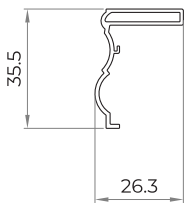
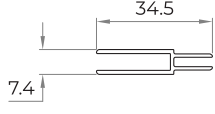
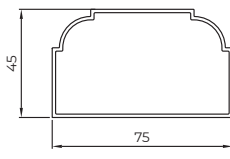
T

1.2 mm

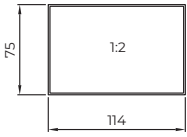
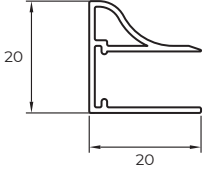
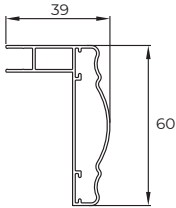
W

1.980 kg/6m

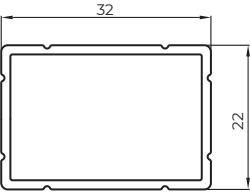
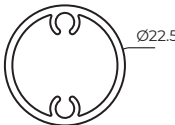
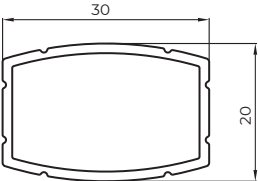
KHUNG BAO TƯỜNG 100, 200, PHÀO CHỈ

38019  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 9.900 kg/6m 1.8 mm 11.786 kg/6m	1050N  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.2 mm W 7.315 kg/6m
1250N  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.2 mm W 7.477 kg/6m	3319A  Quy cách bó: 10 cây/bó T 1.0 mm W 2.019 kg/6m
38039  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 8.150 kg/6m	3318A  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 9.310 kg/6m
3318B  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 8.763 kg/6m	3328A  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.8 mm W 11.885 kg/6m
3328B  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.8 mm W 13.282 kg/6m	3319  Quy cách bó: 8 cây/bó T 1.2 mm W 1.683 kg/6m
3320  Quy cách bó: 8 cây/bó T 1.2 mm W 1.387 kg/6m	3321A  Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 5.048 kg/6m

KHUNG BAO TƯỜNG 100, 200, PHÀO CHỈ

3321B  NỐI ĐỐ LỚN Quy cách bó: 2 cây/bó T 1.4 mm W 8.392 kg/6m	3311  U NỐI Quy cách bó: 10 cây/bó T 1.4 mm W 1.211 kg/6m
3312  CHỈ TƯỜNG Quy cách bó: 10 cây/bó T 1.4 mm W 3.327 kg/6m	

HỆ CHẤN SONG

32220  KHUNG BAO Quy cách bó: 9 cây/bó T 1.4 mm W 2.332 kg/6m	SP220  SONG TRÒN PHI 22 Quy cách bó: 10 cây/bó T 1.4 mm W 1.832 kg/6m
30200  SONG BẦU DỤC Quy cách bó: 10 cây/bó T 1.4 mm W 2.080 kg/6m	

HỆ DT65



Hệ mặt dựng 65 là lựa chọn lý tưởng cho các công trình lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như tòa nhà cao tầng, trung tâm thương mại... nhờ khả năng chịu lực vượt trội, độ kín khít hoàn hảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật châu Âu và đặc biệt là tính kinh tế khi ứng dụng.

ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

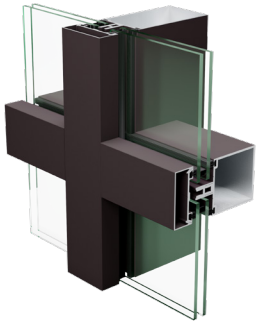
- Khả năng chịu lực tác động từ bên ngoài tốt, bền bỉ với thời gian.
- Đảm bảo độ kín khí, cách âm, cách nhiệt, chống cháy hiệu quả.
- Thiết kế đón sáng tối đa, tiết kiệm điện năng.
- Lắp đặt nhanh chóng, bảo trì - bảo dưỡng đơn giản, tiết kiệm thời gian - chi phí.
- Đa dạng màu sắc, ứng dụng thẩm mỹ cao, tinh tế - sang trọng phù hợp nhiều phong cách kiến trúc.

TÍNH NĂNG

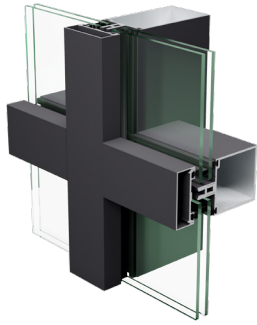
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Bề rộng khung nhôm	65mm
Kích thước thanh nhôm	65x120 mm, 65x77 mm 65x108 mm, 65x65 mm
Độ dày khung nhôm	1.2-3.5 mm
Chiều dày kính	8-24 mm
Chép góc	90 độ

MÀU SẮC



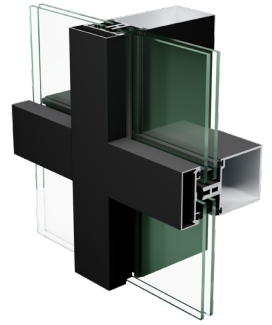
Nâu (PNX)



Xám (PXX)



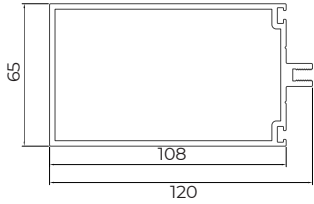
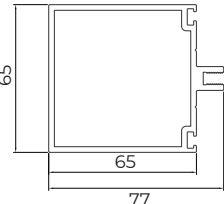
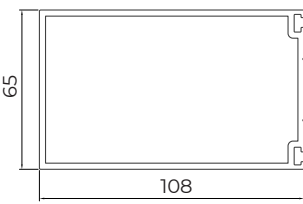
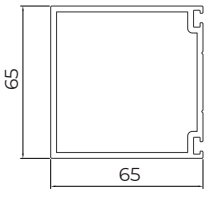
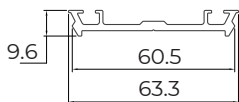
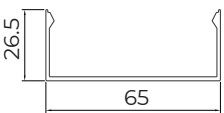
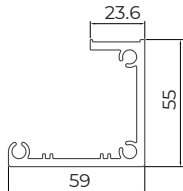
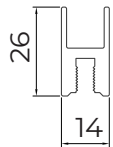
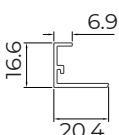
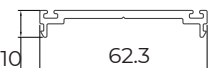
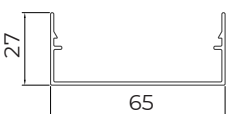
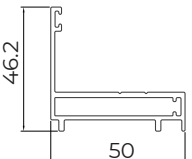
Trắng (PTX)



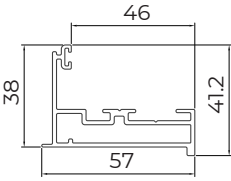
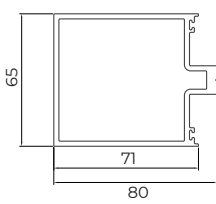
Đen Nhám (PD1)



MẶT DỰNG

65010  ĐỔ ĐỨNG LỘ ĐỔ 120 Quy cách bó: 2 cây/ bó T 2.5 mm W 14.985 kg/6m	65020  ĐỔ NGANG LỘ ĐỔ 77 Quy cách bó: 2 cây/ bó T 2.5 mm W 11.549 kg/6m
65030  ĐỔ ĐỨNG GIẤU ĐỔ 108 Quy cách bó: 2 cây/ bó T 2.5 mm W 13.713 kg/6m	65040  ĐỔ NGANG GIẤU ĐỔ 65 Quy cách bó: 2 cây/ bó T 2.5 mm W 10.278 kg/6m
65050  ĐỂ ỐP MẶT NGOÀI Quy cách bó: 10 cây/ bó T 2.3 mm W 3.312 kg/6m	65060  NẮP ĐẬY ĐỂ ỐP Quy cách bó: 10 cây/ bó T 1.5 mm W 2.829 kg/6m
65070  PAT LIÊN KẾT THANH NGANG Quy cách bó: 2 cây/ bó T 3.5 mm W 8.538 kg/6m	65080  THANH CHUYỂN KÍNH HỘP Quy cách bó: 10 cây/ bó T 1.5 mm W 2.766 kg/6m
G5050  ĐỔ KÍNH ĐƠN CỬA SỔ Quy cách bó: 10 cây/ bó T 1.2 mm W 1.000 kg/6m	G0150  ĐỂ SẠP Quy cách bó: 6 cây/ bó T 3.0 mm W 3.462 kg/6m
G0660  NẮP CHỤP Quy cách bó: 10 cây/ bó T 1.2 mm W 2.487 kg/6m	G1295  KHUNG BAO CỬA SỔ Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.5 mm W 4.494 kg/6m

MẶT DỰNG

G1365	KHUNG CÁNH CỬA SỔ	G4610	ĐỔ ĐÚNG LỘ ĐỔ 80
			
Quy cách bó: 4 cây/ bó	T1.5 mm W4.821 kg/6m	Quy cách bó: 2 cây/ bó	T2.5 mm W11.943 kg/6m





HỆ VÁT CẠNH - VC55



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Tiết kiệm chi phí sản xuất một cách hiệu quả với thanh nhôm được thiết kế vát cạnh đặc biệt tiện lợi.
- Góp phần rút ngắn thời gian sản xuất và thi công, mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng sử dụng.
- Thanh chắn nước ở cửa lùa hỗ trợ tối ưu trong việc chống nước mưa.
- Bề mặt nhôm chống oxy hóa, không bị gỉ sét khi tiếp xúc với thời tiết.
- Nhôm cứng cáp, độ bền lên đến 20 năm.

TÍNH NĂNG THAM KHẢO

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 1.5m x H 2.6 m
Kích thước cánh tối đa	150 kg/ cánh cửa đi
	80 kg/ cánh cửa sổ
Chiều sâu khung cánh	55 mm
Độ dày Profile	1.2 mm
Rãnh lắp kính	11 mm
Chép góc	45 độ

(*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết

MÀU SẮC



Trắng (PTX)



Xám (PXX)

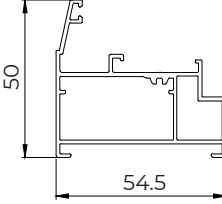
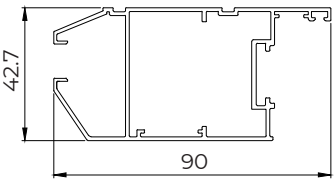
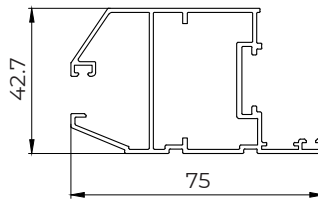
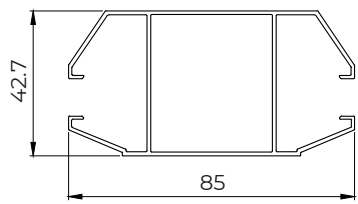
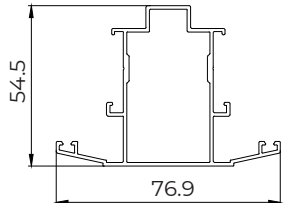
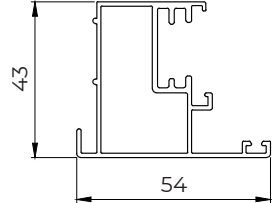
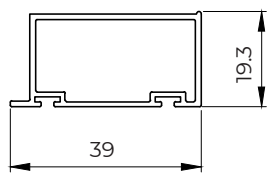
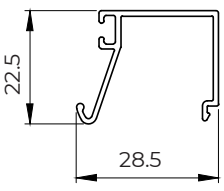
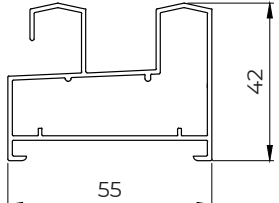
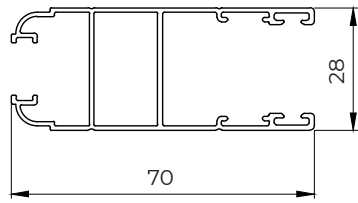
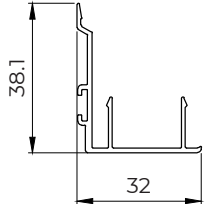
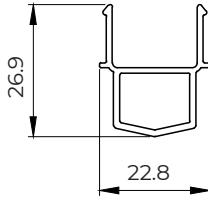


Nâu(PNX)





VÁT CẠNH

DT-11709  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 4.987 kg/6m	KHUNG BAO VÁT CẠNH DT-11710  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 6.375 kg/6m
DT-11711  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 5.786 kg/6m	CÁNH CỬA SỔ VÁT CẠNH DT-11712  Quy cách bó: 2 cây/ bó T 1.2 mm W 5.644 kg/6m
DT-11713  Quy cách bó: 2 cây/ bó T 1.2 mm W 5.543 kg/6m	ĐỒ CHIA CÁCH DT-11714  Quy cách bó: 2 cây/ bó T 1.2 mm W 4.613 kg/6m
DT-11715  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 2.206 kg/6m	ĐỒ ĐỘNG DT-11716  Quy cách bó: 10 cây/ bó T 1.1 mm W 1.456 kg/6m
DT-11717  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 4.692 kg/6m	KHUNG BAO LÙA VÁT CẠNH DT-11718  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.0 mm W 4.32 kg/6m
DT-11719  Quy cách bó: 8 cây/ bó T 1.2 mm W 2.031 kg/6m	THANH ỚP ĐÁY DT-11720  Quy cách bó: 4 cây/ bó T 1.2 mm W 1.767 kg/6m

HỆ DT93



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Thiết kế hiện đại, đẹp mắt với các đường gân trên bề mặt nhôm. Tạo sự cứng cáp, vững cho hệ cửa.
- Lắp ghép đơn giản, mặt cắt sắc nét, tính thẩm mỹ cao.
- Tận dụng diện tích không gian hiệu quả nhờ kiểu dáng linh hoạt.
- Bề mặt nhôm chống ăn mòn, không bị ôxi hóa trước tác động thời tiết.
- Đa dạng kích thước và số cánh (2 cánh, 4 cánh).

TÍNH NĂNG

- Kín khí: $<27\text{m}^3/\text{h.m}^2$; áp suất $P=\pm 100\text{ Pa}$
- Kín nước: $P=100\text{ Pa}$ trong vòng 25 phút
- Áp lực gió: Áp suất $P=\pm 1600\text{ Pa}$
- Cách nhiệt: Tùy vào loại kính sử dụng
- Cách âm: 25 dB
- Khả năng chống trộm: level 2

(*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 2.2 m x H 3.0 m
Khối lượng cánh tối đa	100 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	93 mm
Độ dày Profile	1.2 - 2.0 mm
Rãnh lắp kính	12 mm
Ghép góc	90 độ

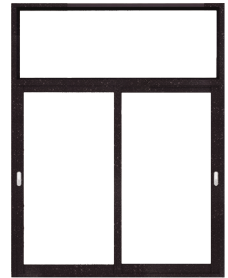
MÀU SẮC



Xám (PXX)



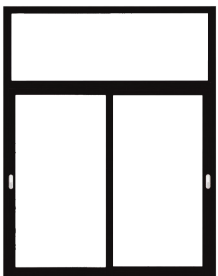
Nâu (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Gỗ 2D
Gỗ Sồi Vàng (30)



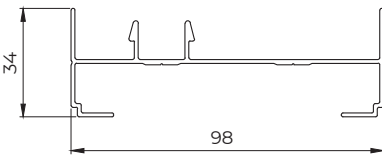
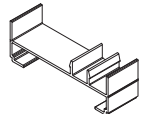
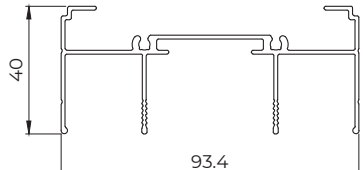
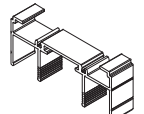
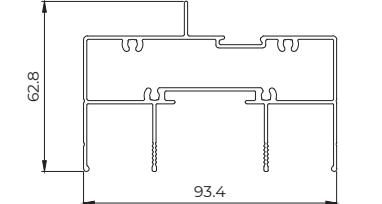
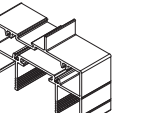
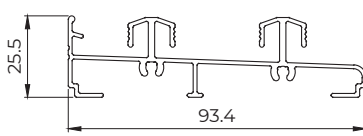
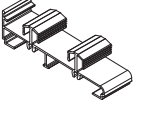
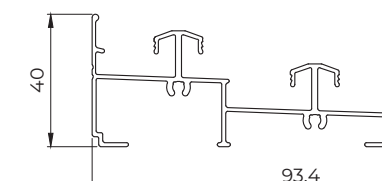
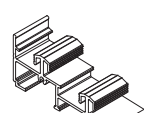
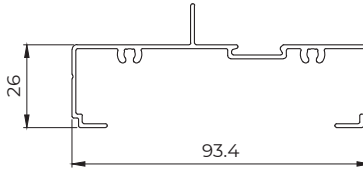
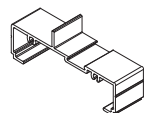
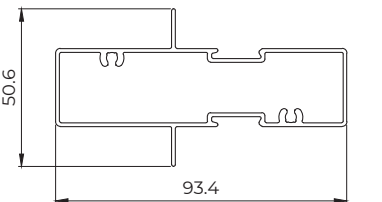
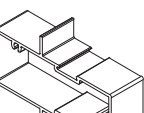
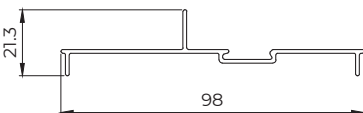
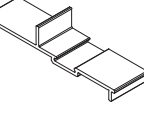
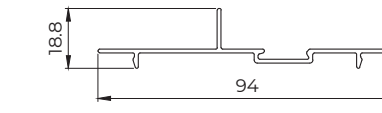
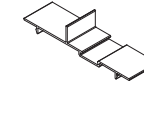
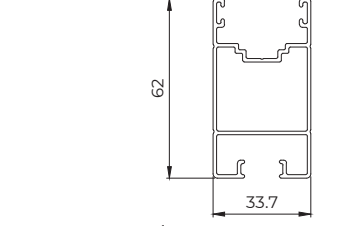
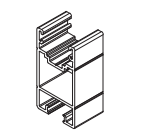
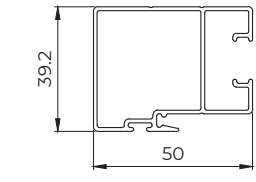
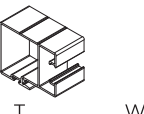
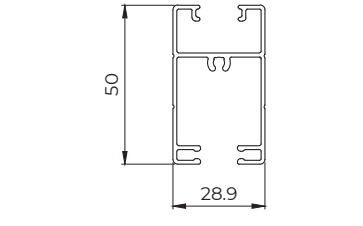
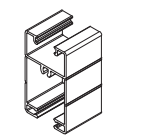
Gỗ 3D
Linh Sam Xám (G01)



Gỗ 3D
Linh Sam Nâu (G02)

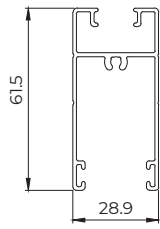


CỬA LỬA

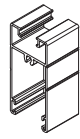
DT-1543  KHUNG BAO ĐỨNG  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.589 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.030 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.048 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	4.589 kg/6m	1.4 mm	5.030 kg/6m	2.0 mm	7.048 kg/6m	DT-1541  KHUNG BAO NGANG TRÊN  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.677 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.421 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>9.060 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	5.677 kg/6m	1.4 mm	6.421 kg/6m	2.0 mm	9.060 kg/6m
T	W																
1.2 mm	4.589 kg/6m																
1.4 mm	5.030 kg/6m																
2.0 mm	7.048 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	5.677 kg/6m																
1.4 mm	6.421 kg/6m																
2.0 mm	9.060 kg/6m																
DT-1551  KHUNG TRUNG GIAN TRÊN  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>8.417 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>9.498 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/ bó	T	W	1.2 mm	8.417 kg/6m	1.4 mm	9.498 kg/6m	DT-17182  RAY DƯỚI CỬA ĐI LỬA  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.857 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.152 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.743 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	5.857 kg/6m	1.4 mm	6.152 kg/6m	2.0 mm	8.743 kg/6m		
T	W																
1.2 mm	8.417 kg/6m																
1.4 mm	9.498 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	5.857 kg/6m																
1.4 mm	6.152 kg/6m																
2.0 mm	8.743 kg/6m																
DT-1942  RAY DƯỚI CỬA SỔ LỬA  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>6.598 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>9.001 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	6.598 kg/6m	2.0 mm	9.001 kg/6m	DT-1559  KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.221 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.727 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	4.221 kg/6m	1.4 mm	4.727 kg/6m				
T	W																
1.2 mm	6.598 kg/6m																
2.0 mm	9.001 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	4.221 kg/6m																
1.4 mm	4.727 kg/6m																
DT-2618  ĐỒ CỐ ĐỊNH CHO VÁCH KÍNH  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.929 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>9.440 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 2 cây/ bó	T	W	1.2 mm	5.929 kg/6m	2.0 mm	9.440 kg/6m	DT-1549  NỐI KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>2.66 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>4.402 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 8 cây/ bó	T	W	1.2 mm	2.66 kg/6m	2.0 mm	4.402 kg/6m				
T	W																
1.2 mm	5.929 kg/6m																
2.0 mm	9.440 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	2.66 kg/6m																
2.0 mm	4.402 kg/6m																
DT-1578  NỐI KHUNG VÁCH KÍNH NGANG  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>2.502 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>4.193 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	2.502 kg/6m	2.0 mm	4.193 kg/6m	DT-1546  KHUNG CÁCH ĐỨNG  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.798 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.541 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.824 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	4.798 kg/6m	1.4 mm	5.541 kg/6m	2.0 mm	7.824 kg/6m		
T	W																
1.2 mm	2.502 kg/6m																
2.0 mm	4.193 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	4.798 kg/6m																
1.4 mm	5.541 kg/6m																
2.0 mm	7.824 kg/6m																
DT-1547  KHUNG CÁCH ĐỨNG MÓC  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.292 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.896 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>6.428 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	4.292 kg/6m	1.4 mm	4.896 kg/6m	2.0 mm	6.428 kg/6m	DT-1544  KHUNG CÁCH NGANG TRÊN  <table> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>3.907 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.476 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>6.135 kg/6m</td> </tr> </table> Quy cách bó: 4 cây/ bó	T	W	1.2 mm	3.907 kg/6m	1.4 mm	4.476 kg/6m	2.0 mm	6.135 kg/6m
T	W																
1.2 mm	4.292 kg/6m																
1.4 mm	4.896 kg/6m																
2.0 mm	6.428 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	3.907 kg/6m																
1.4 mm	4.476 kg/6m																
2.0 mm	6.135 kg/6m																

CỬA LÙA

DT-1545



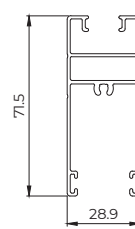
KHUNG CẢNH NGANG DƯỚI



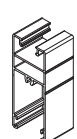
T	W
1.2 mm	4.199 kg/6m
1.4 mm	4.663 kg/6m
1.8 mm	5.687 kg/6m

Quy cách bó: 4 cây/ bó

DT-1555



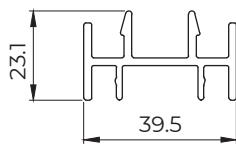
KHUNG CẢNH NGANG DƯỚI LỚN



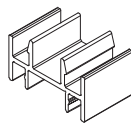
T	W
1.2 mm	5.095 kg/6m
2.0 mm	7.647 kg/6m

Quy cách bó: 4 cây/ bó

DT-1548



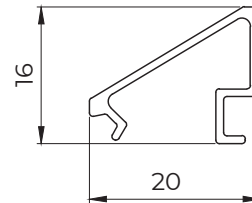
KHUNG TRUNG GIAN 4 CẢNH



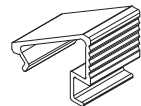
T	W
2.0 mm	3.849 kg/6m

Quy cách bó: 8 cây/ bó

DT-1010



NỆP CỐ ĐỊNH 10MM



T	W
0.9 mm	0.816 kg/6m

Quy cách bó: 10 cây/ bó

HỆ DT700



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Được thiết kế với phong cách Á Đông mang đến vẻ đẹp cho không gian sống.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Góc cắt 90 độ đem đến các kiểu dáng ứng dụng truyền thống với chi phí hợp lí.
- Áp dụng: Cửa đi mở quay, cửa sổ & cửa đi mở lùa, vách ngăn.

TÍNH NĂNG

- Kín khí: ☒ ☒ ☒ ☐ ☐
- Kín nước: ☒ ☒ ☒ ☐ ☐
- Áp lực gió: ☒ ☒ ☐ ☐ ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 1.0 m x H 2.3 m
Khối lượng cánh tối đa	60 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	70 mm
Độ dày Profile	0.7 - 1.2 mm
Rãnh lắp kính	12 mm
Ghép góc	90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Sữa (TS)



Trắng Bóng (TB)

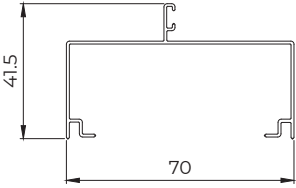
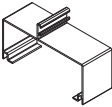
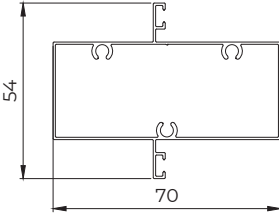
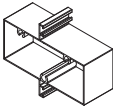
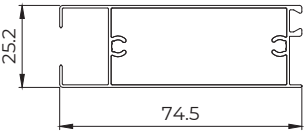
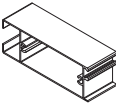
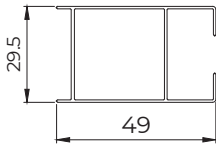
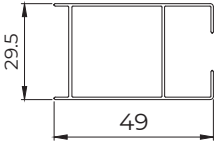
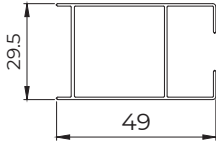
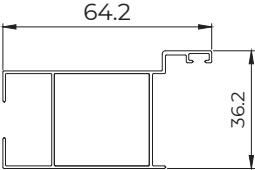
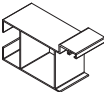
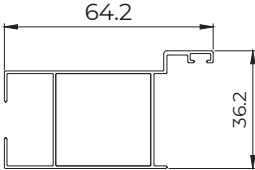
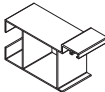
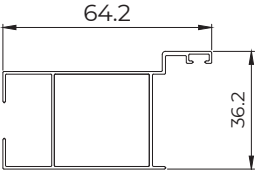
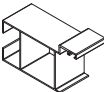
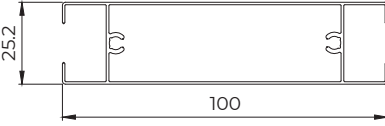
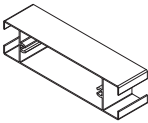


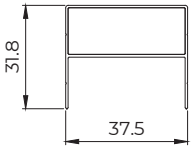
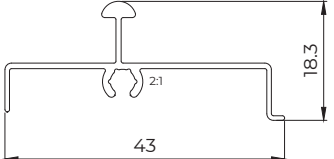
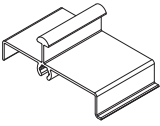
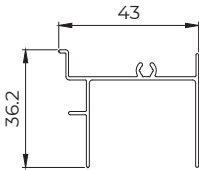
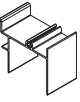
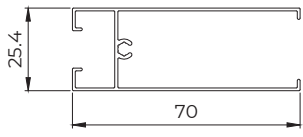
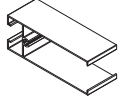
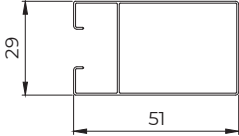
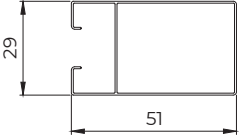
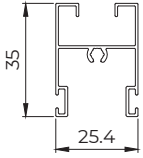
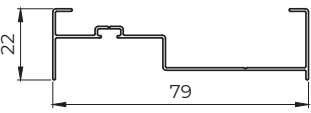
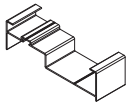
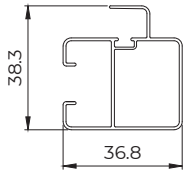
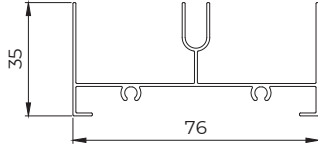
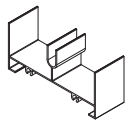
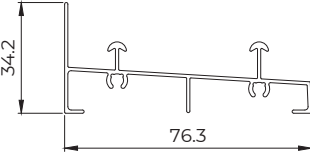
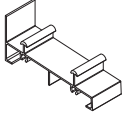
Gỗ 2D
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)

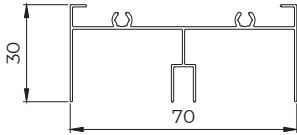
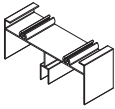
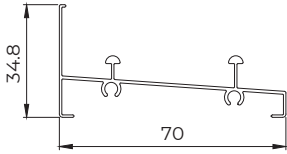
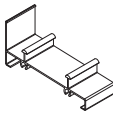
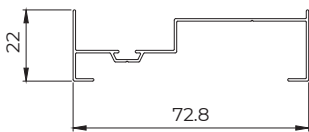
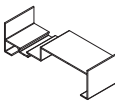
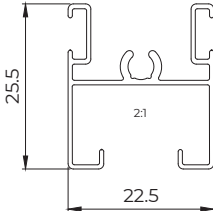
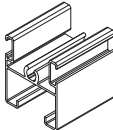
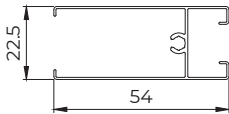
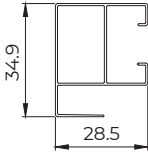
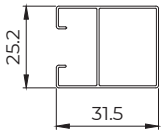
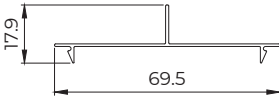


Gỗ 2D
Gỗ Sữa Vàng (20)



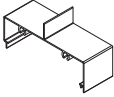
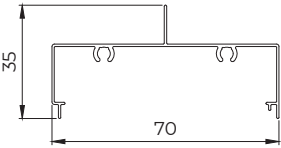
7002  Quy cách bó: 6 cây/ bó	KHUNG BAO 	7006  Quy cách bó: 3 cây/ bó	ĐỐ GIỮ 
7051  Quy cách bó: 4 cây/ bó	CÁNH TRÊN DƯỚI 	7052  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 
7052-4.4  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 4M4 	7052-4.8  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 4M8 
7053  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 	7053-4.4  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 4M4 
7053-4.8  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 4M8 	7054  Quy cách bó: 4 cây/ bó	ĐỐ GIỮ 

9913  Quy cách bó: 10 cây/ bó	KHUNG BAO ĐỨNG 	9914  Quy cách bó: 16 cây/ bó	RAY DƯỚI 1 CÁCH 
9915  Quy cách bó: 8 cây/ bó	MĂNG TRÊN 1 CÁCH 	9951  Quy cách bó: 8 cây/ bó	CÁNH NGANG DƯỚI 
9952  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 	9952-4.8  Quy cách bó: 6 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 4M8 
9954  Quy cách bó: 8 cây/ bó	CÁNH NGANG TRÊN 	2405  Quy cách bó: 8 cây/ bó	KHUNG BAO ĐỨNG 
2407  Quy cách bó: 8 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 	2409  Quy cách bó: 6 cây/ bó	KHUNG BAO TRÊN 
2413  Quy cách bó: 8 cây/ bó	KHUNG RAY DƯỚI 		

5051  Quy cách bó: 6 cây/ bó	KHUNG BAO TRÊN 	5052  Quy cách bó: 8 cây/ bó	KHUNG RAY DƯỚI 
5053  Quy cách bó: 8 cây/ bó	KHUNG BAO ĐỨNG 	5054  Quy cách bó: 12 cây/ bó	CÁNH NGANG TRÊN 
5055  Quy cách bó: 10 cây/ bó	CÁNH NGANG DƯỚI 	5056  Quy cách bó: 12 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 
5057  Quy cách bó: 10 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG TRƠN 	5058  Quy cách bó: 10 cây/ bó	NỐI Ô CỐ ĐỊNH 

7109

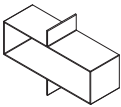
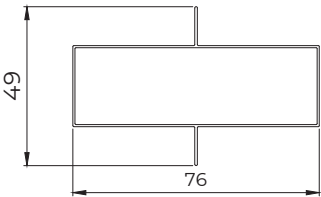
KHUNG BAO CÓ LỖ VÍT



Quy cách bó: 8 cây/ bó

7011

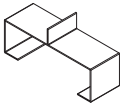
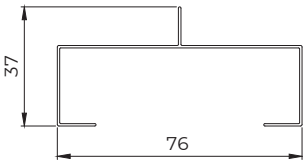
ĐỖ GIỮA



Quy cách bó: 3 cây/ bó

7019

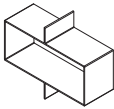
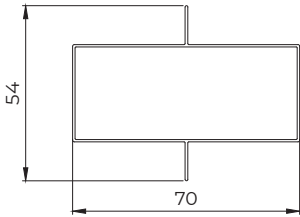
KHUNG BAO HỖ



Quy cách bó: 4 cây/ bó

7005B

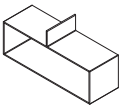
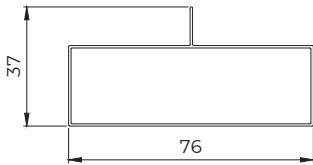
ĐỖ GIỮA



Quy cách bó: 3 cây/ bó

7012

ĐỖ ĐÚNG



Quy cách bó: 3 cây/ bó

HỆ DT1000 & DT1000T



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Được thiết kế kết hợp thẩm mỹ của người Á Đông và sự hiện đại, sang trọng của Châu Âu, mang đến cảm giác cứng cáp nhưng vẫn tinh tế, sang trọng.
- Bộ khung thân cửa vững chắc mang đến cho cửa khả năng chịu lực tốt.
- Độ bền cao không bị rỉ sét, tuổi thọ khá tốt.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Áp dụng: Cửa đi mở quay và vách ngăn.

TÍNH NĂNG

- Kín khí: ☒ ☒ ☒ ☐ ☐
- Kín nước: ☒ ☒ ☒ ☐ ☐
- Áp lực gió: ☒ ☒ ☒ ☐ ☐

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 1.2 m x H 2.5 m
Khối lượng cánh tối đa	90 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	100 mm
Độ dày Profile	0.9 - 1.2 mm
Rãnh lắp kính	11 mm
Ghép góc	45/90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Bóng (TB)



Trắng Sữa (TS)



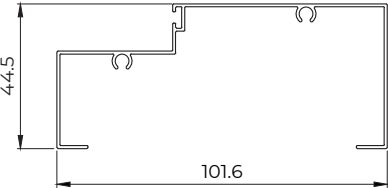
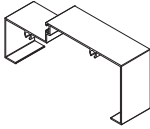
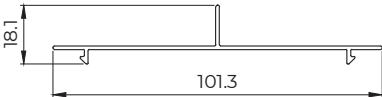
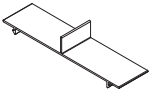
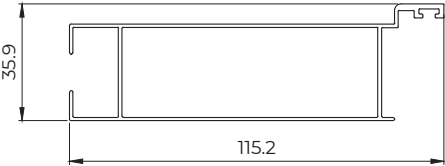
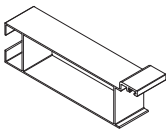
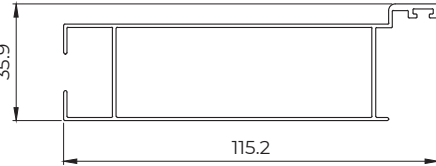
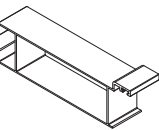
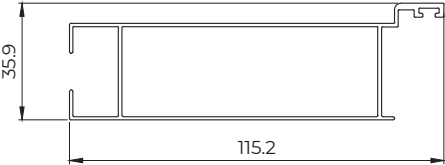
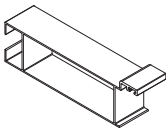
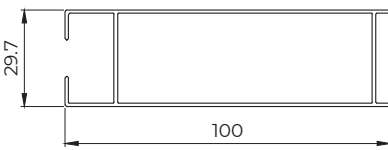
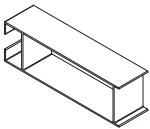
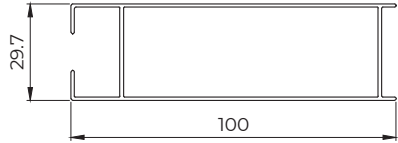
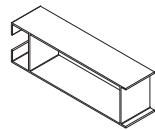
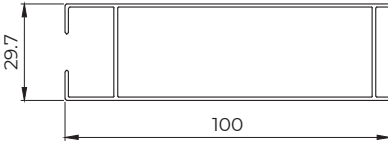
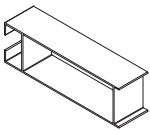
Gỗ 2D
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



Gỗ 2D
Gỗ Sưa Vàng (20)



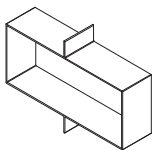
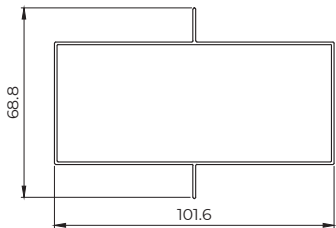
CỬA ĐI MỞ QUAY

VH052  Quy cách bó: 4 cây/ bó	KHUNG BAO 	VH076  Quy cách bó: 6 cây/ bó	NẮP KHUNG BAO 
1104  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 	1104-4.4  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 4M4 
1104-4.8  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH ĐỨNG MÓC 4M8 	1105  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH TRƠN 
1105-4.4  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH TRƠN 4M4 	1105-4.8  Quy cách bó: 3 cây/ bó	CÁNH TRƠN 4M8 

VÁCH NGĂN

1102

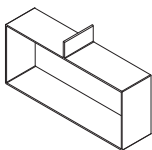
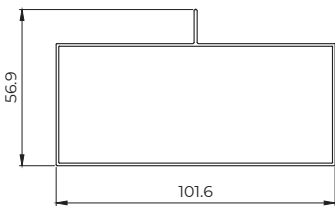
ĐỒ GIỮA



Quy cách bó: 2 cây/ bó

1103

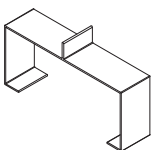
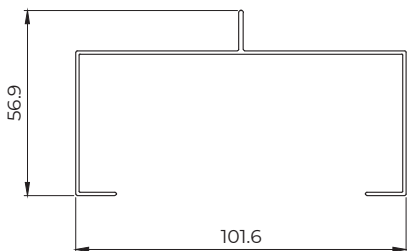
KHUNG BAO



Quy cách bó: 2 cây/ bó

1113

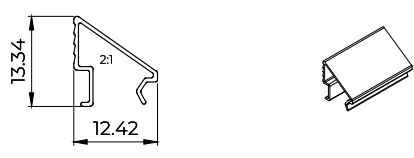
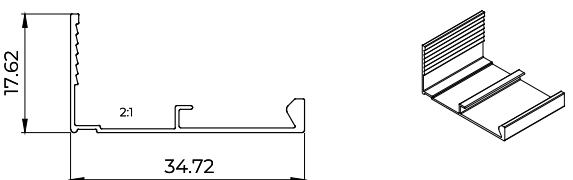
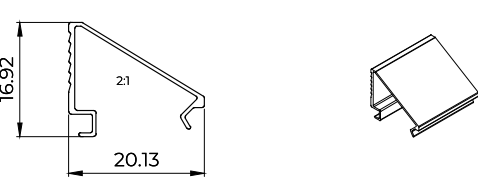
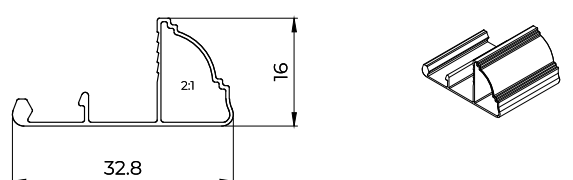
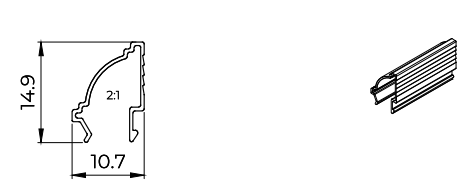
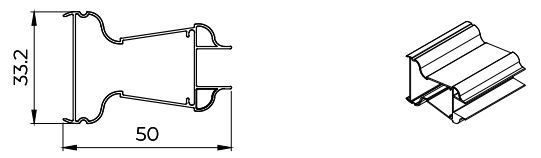
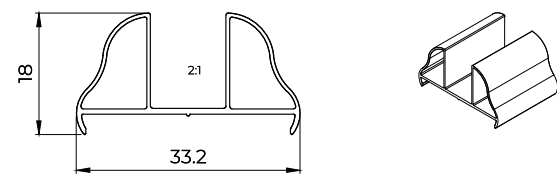
KHUNG BAO HỖ



Quy cách bó: 2 cây/ bó



ĐỀ NỆP

9841  Quy cách bó: 30 cây/ bó	9842  Quy cách bó: 30 cây/ bó
2227  Quy cách bó: 20 cây/ bó	2228  Quy cách bó: 30 cây/ bó
2235  Quy cách bó: 20 cây/ bó	2236  Quy cách bó: 30 cây/ bó
7647  Quy cách bó: 6 cây/ bó	7648  Quy cách bó: 16 cây/ bó

TỦ TRƯNG BÀY TRUYỀN THÔNG



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Linh hoạt trong ứng dụng sản phẩm, có thể lắp ráp thành nhiều kiểu dáng khác nhau: Tủ bếp, quần áo, tủ trang trí, quầy kệ, tủ thuốc, quầy thuốc, ...
- Khả năng chống nước, chống ẩm mốc tuyệt đối.
- Nhẹ và bền bỉ theo thời gian.
- Dễ dàng vận chuyển, bảo dưỡng theo thời gian.
- Hợp kim: 6063 - T5.
- Rãnh kính: 5 - 6 mm.
- Cắt ghép 90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Sữa (TS)



Trắng Bóng (TB)



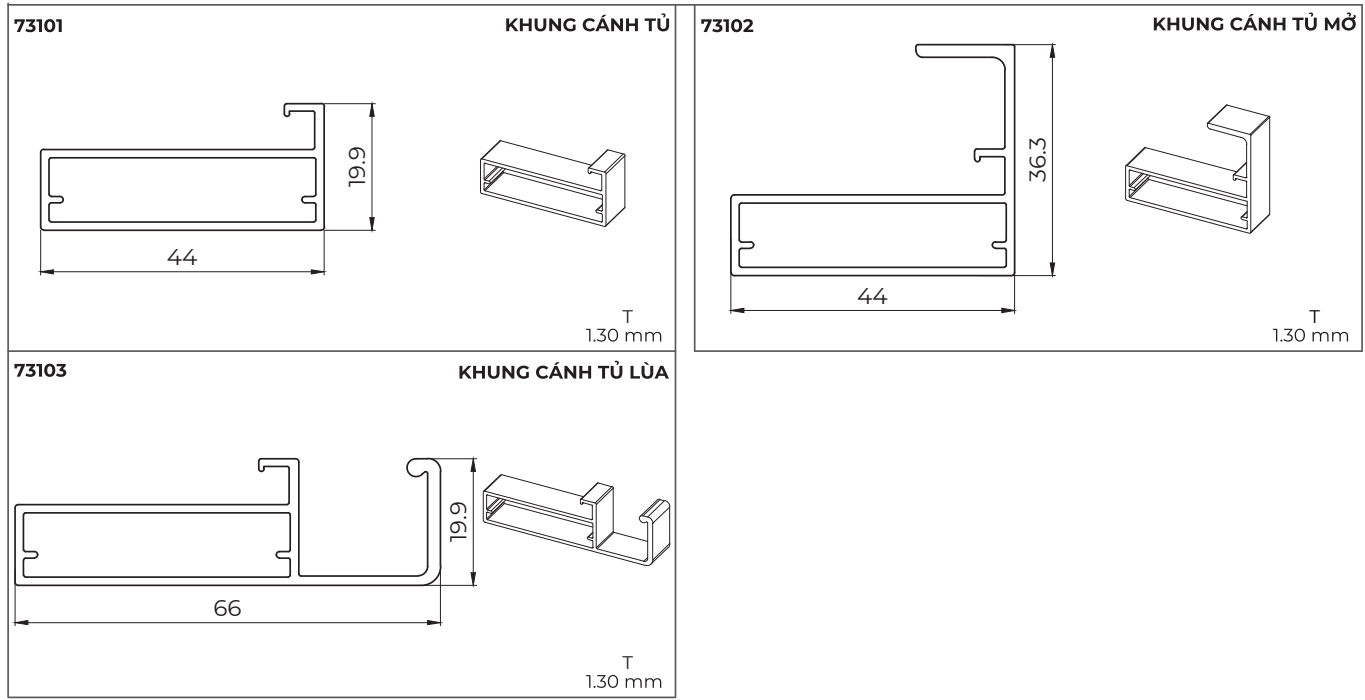
Gỗ 2D
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



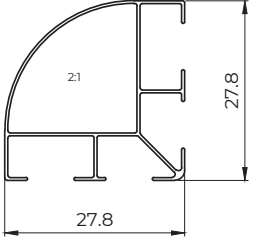
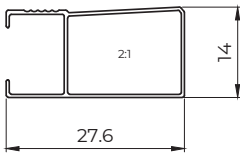
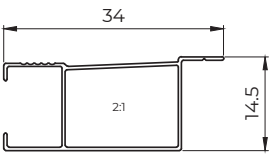
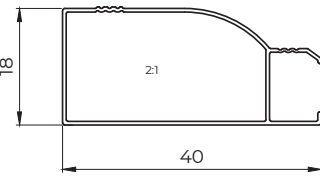
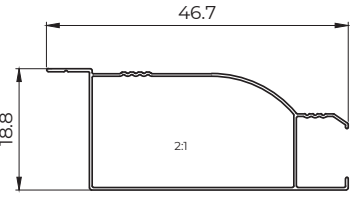
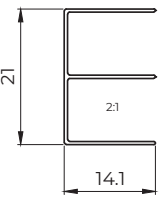
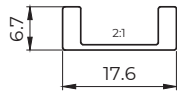
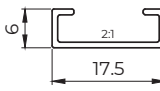
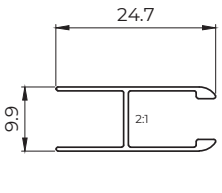
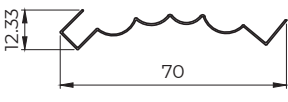
Gỗ 2D
Gỗ Sữa Vàng (20)



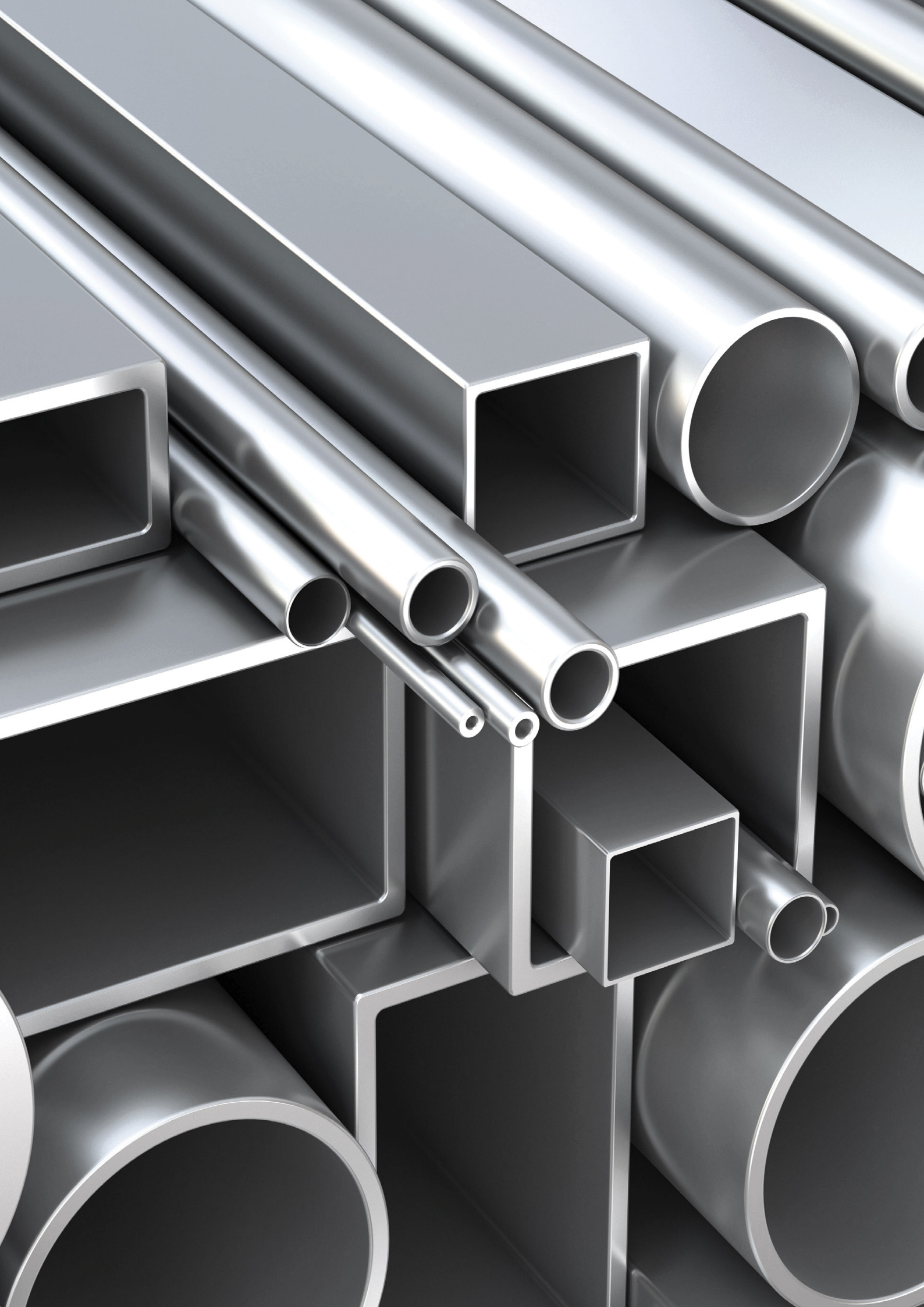
KHUNG CÁNH TỦ



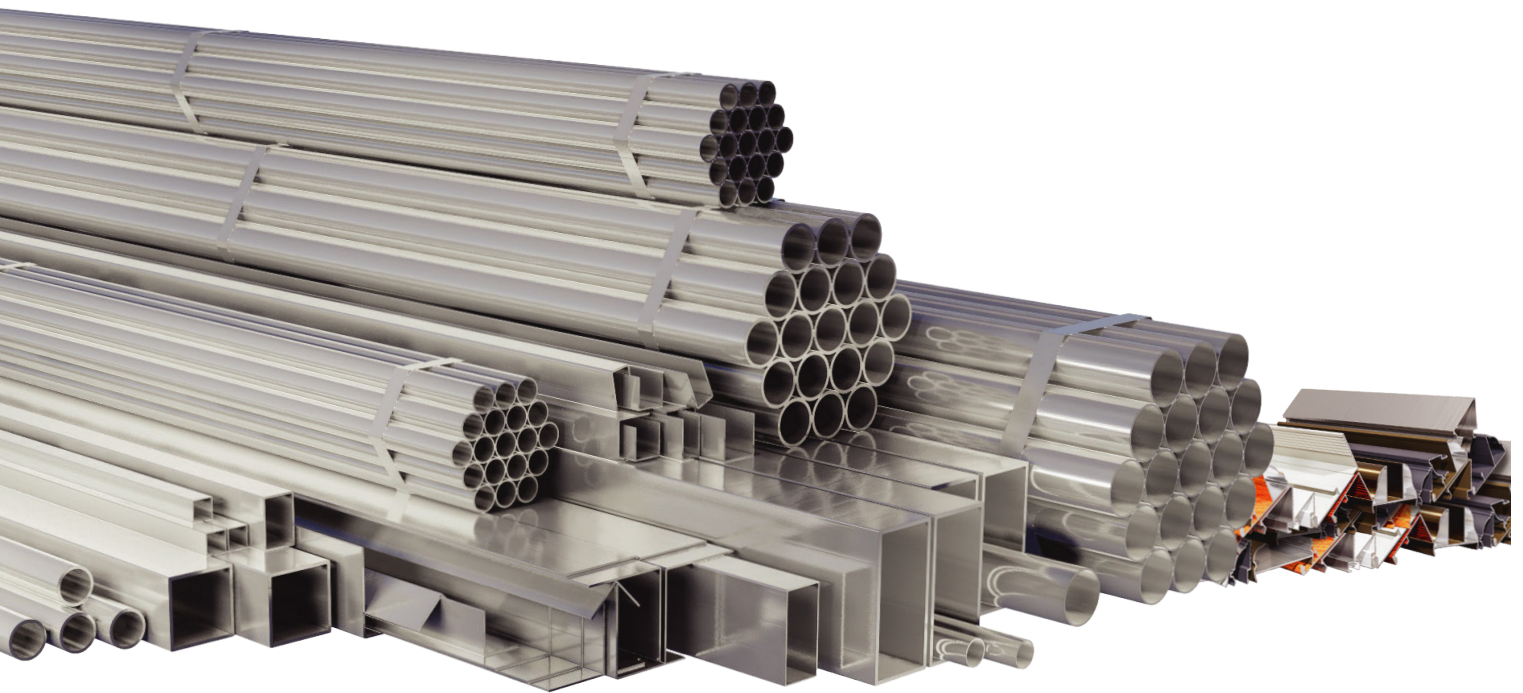
NHÔM TỬ

9759  Quy cách bó: 8 cây/ bó	9753 CÁNH TRƠN  Quy cách bó: 20 cây/ bó
9754 CÁNH MÓC  Quy cách bó: 20 cây/ bó	6002T CÁNH TỦ ÁO  Quy cách bó: 10 cây/ bó
6002P CÁNH TỦ ÁO GỖ  Quy cách bó: 10 cây/ bó	9742 CÂY E  Quy cách bó: 40 cây/ bó
9743 RAY DƯỚI  Quy cách bó: 20 cây/ bó	9743B RAY DƯỚI MỎNG  Quy cách bó: 20 cây/ bó
9745 KẸP KIẾNG  Quy cách bó: 20 cây/ bó	6003 LÁ ĐẦU TỦ  Quy cách bó: 10 cây/ bó



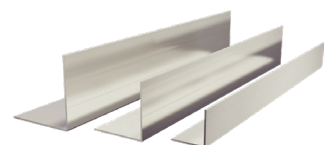


HỆ NHÔM TRANG TRÍ



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Ứng dụng đa dạng các lĩnh vực từ trang trí, vách dựng, lam che, ...
- Đa dạng chủng loại và kích thước, độ dày.
- Dễ sản xuất lắp đặt và mang lại hiệu quả cao cho người sử dụng.
- Đa dạng màu sắc hợp xu hướng.



MÀU SẮC



Đen (PD1)



Trắng sữa (TS)



Trắng XF (PTX)



Xám (XT)



Xám XF (PXX)



Nâu nhám (NN)



Nâu XF (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Nâu Ánh Kim (M02)



Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



Gỗ Sưa Vàng (20)



Gỗ Sồi Vàng (30)



Gỗ Linh Sam Xám (G01)



Gỗ Linh Sam Nâu (G02)



Gỗ Teak Nâu (W02)

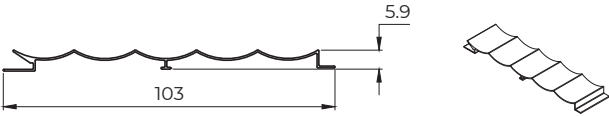


Gỗ Tần Bì (W03)

LÁ LAMRI

4221

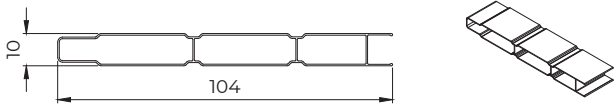
LÁ SÓNG



Quy cách bó: 10 cây/ bó

4332

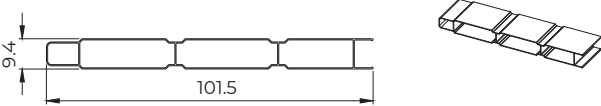
LÁ 3 GÂN



Quy cách bó: 5 cây/ bó

4332M

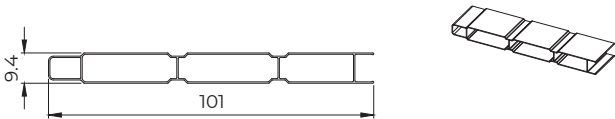
LÁ 4 GÂN MỎNG



Quy cách bó: 10 cây/ bó

4332G

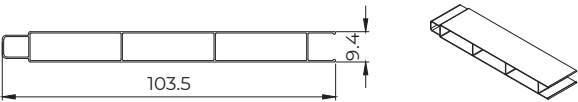
LÁ 4 GÂN DÀY



Quy cách bó: 10 cây/ bó

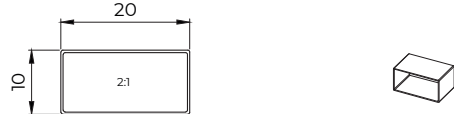
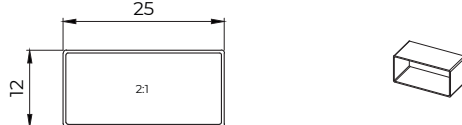
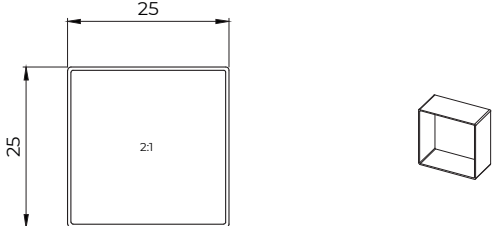
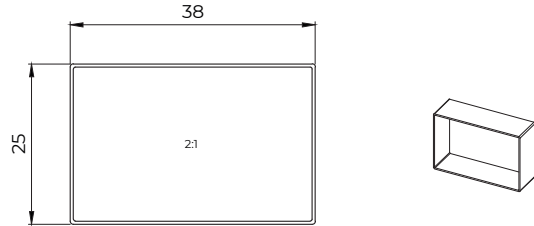
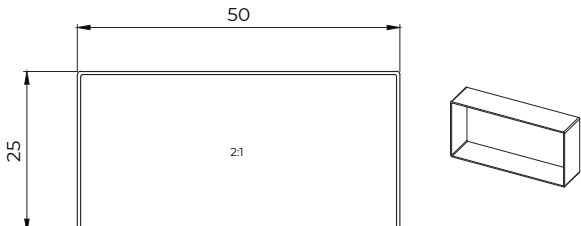
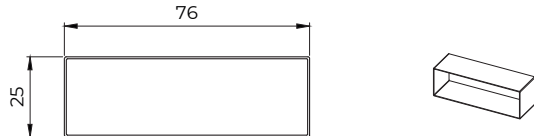
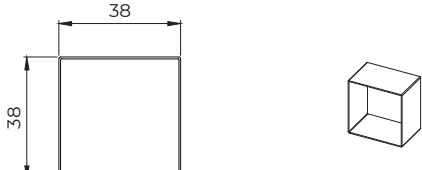
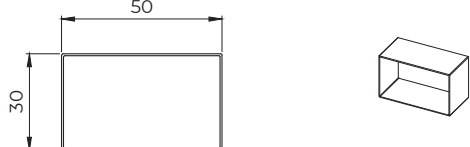
TPIG

LÁ HỘP PHẪNG



Quy cách bó: 10 cây/ bó

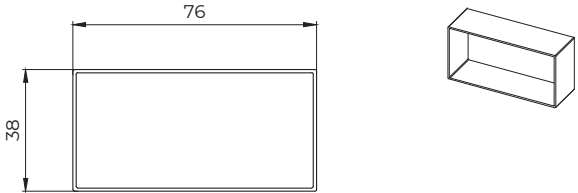
NHÔM ỐNG

1015  Quy cách bó: 30 cây/ bó	HỘP 10 x 15 1020  Quy cách bó: 30 cây/ bó	HỘP 10 x 20
1220  Quy cách bó: 30 cây/ bó	HỘP 12 x 20 1225  Quy cách bó: 30 cây/ bó	HỘP 12 x 25
2525  Quy cách bó: 16 cây/ bó	HỘP 25 x 25 2538  Quy cách bó: 8 cây/ bó	HỘP 25 x 38
2550  Quy cách bó: 8 cây/ bó	HỘP 25 x 50 2576  Quy cách bó: 5 cây/ bó	HỘP 25 x 76
3838  Quy cách bó: 6 cây/ bó	HỘP 38 x 38 3050  Quy cách bó: 8 cây/ bó	HỘP 30 x 50

NHÔM ỐNG

3876

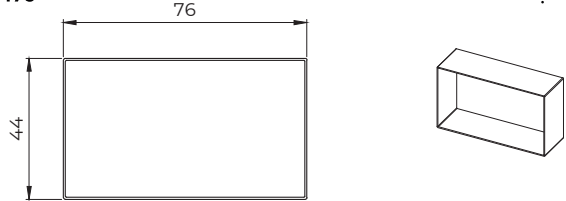
HỘP 38 x 76



Quy cách bó: 3 cây/ bó

4476

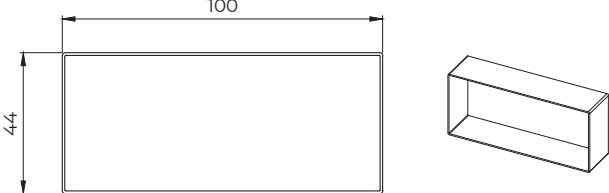
HỘP 44 x 76



Quy cách bó: 3 cây/ bó

44100

HỘP 44 x 100

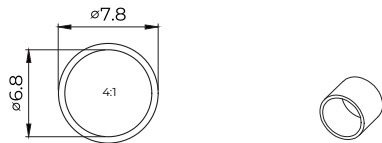


Quy cách bó: 3 cây/ bó

NHÔM ỐNG

P8

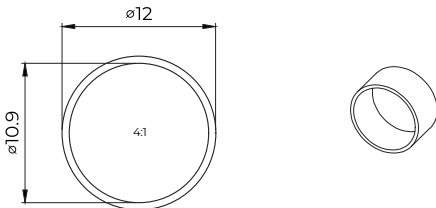
PHI 8



Quy cách bó: 50 cây/ bó

P12

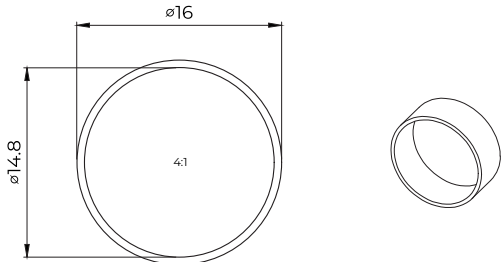
PHI 12



Quy cách bó: 50 cây/ bó

P16

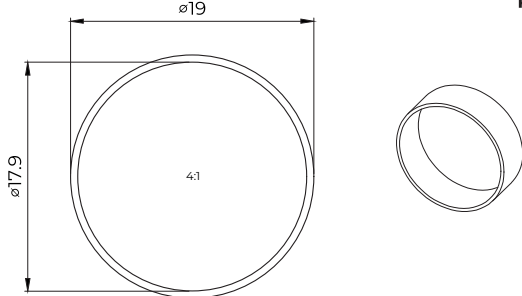
PHI 16



Quy cách bó: 30 cây/ bó

P19

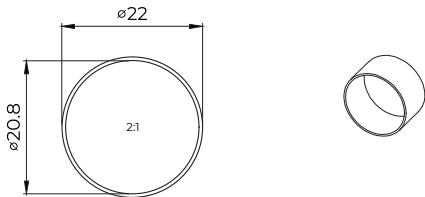
PHI 19



Quy cách bó: 20 cây/ bó

P22

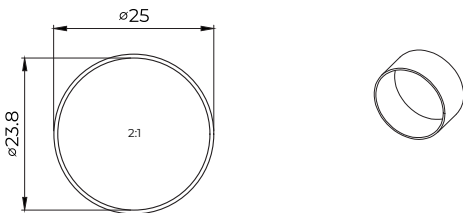
PHI 22



Quy cách bó: 15 cây/ bó

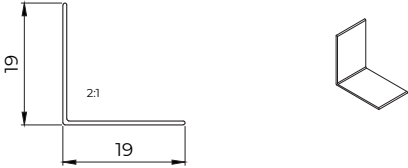
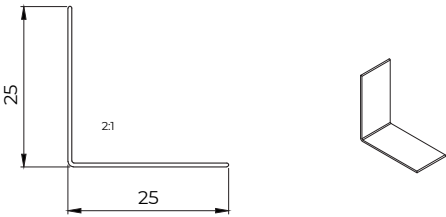
P25

PHI 25



Quy cách bó: 15 cây/ bó

THANH U - V

U7  U 7 x 12 Quy cách bó: 50 cây/ bó	U10  U 10 x 10 Quy cách bó: 50 cây/ bó
U12  U 12 x 12 Quy cách bó: 50 cây/ bó	V10  V 10 x 10 Quy cách bó: 50 cây/ bó
V12  V 12 x 12 Quy cách bó: 50 cây/ bó	V20  V 20 x 20 Quy cách bó: 50 cây/ bó
V25  V 25 x 25 Quy cách bó: 50 cây/ bó	

HỆ CHẮN SONG



Chắn song nhôm Đại Tân được làm từ nhôm cao cấp mang đến sự an toàn từ bên trong lẫn bên ngoài. Sản phẩm được thiết kế với tỉ lệ kích thước hài hòa và phù hợp với đa dạng mẫu mã cửa.

ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Tiết kiệm chi phí nhờ tận dụng khung bao hoặc thanh ngang để ứng dụng cho thanh đứng.
- Mặt cắt có kết cấu vát và trơn giúp khách hàng dễ dàng vệ sinh.
- Sự chắc chắn và cứng cáp đến từ kích thước khung bao và độ dày lớn giúp khung chắn song chịu được lực đập của búa, chống cắt và chống xâm nhập.
- Sử dụng 1 loại PAD nhưng có thể thực hiện được đa dạng sự lựa chọn lắp ghép: khung – thanh, thanh – thanh.

TÍNH NĂNG THAM KHẢO

(*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết

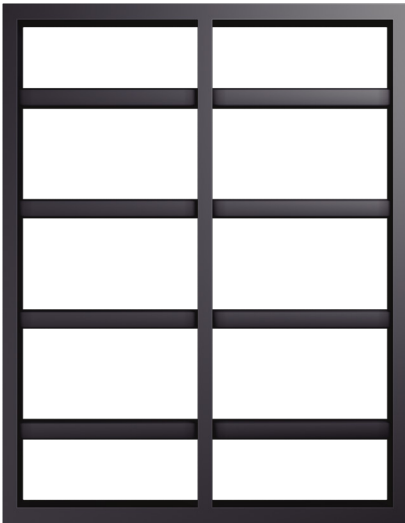
THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước song khung	20x30 mm
Kích thước song ngang	20x25 mm
Độ dày Profile	1.4 mm - 1.7 mm
Bán kính song tròn	20 mm

*Khoảng cách song ngang an toàn: 100mm – 150mm

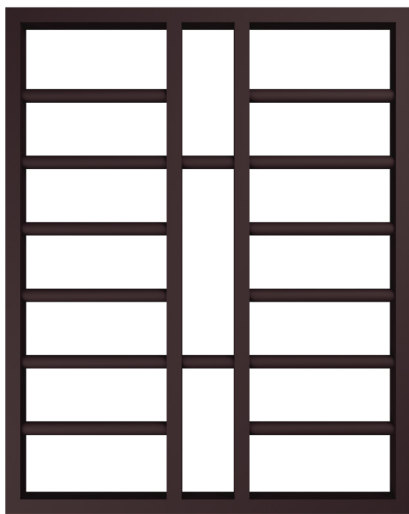
MÀU SẮC



Trắng (PTX)



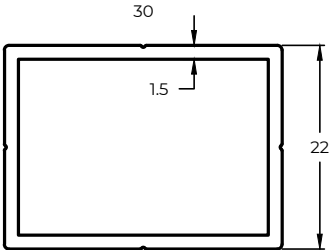
Xám (PXX)



Nâu (PNX)

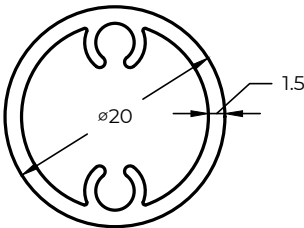


S3022 KHUNG BAO CHẮN SONG



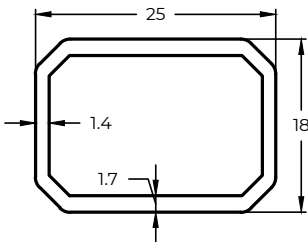
Quy cách bó: 10 cây/ bó

SP200 THANH SONG PHI 20



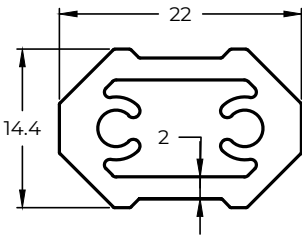
Quy cách bó: 20 cây/ bó

S2518 SONG VÁT CẠNH



Quy cách bó: 10 cây/ bó

S2112 PAT SONG VÁT CẠNH



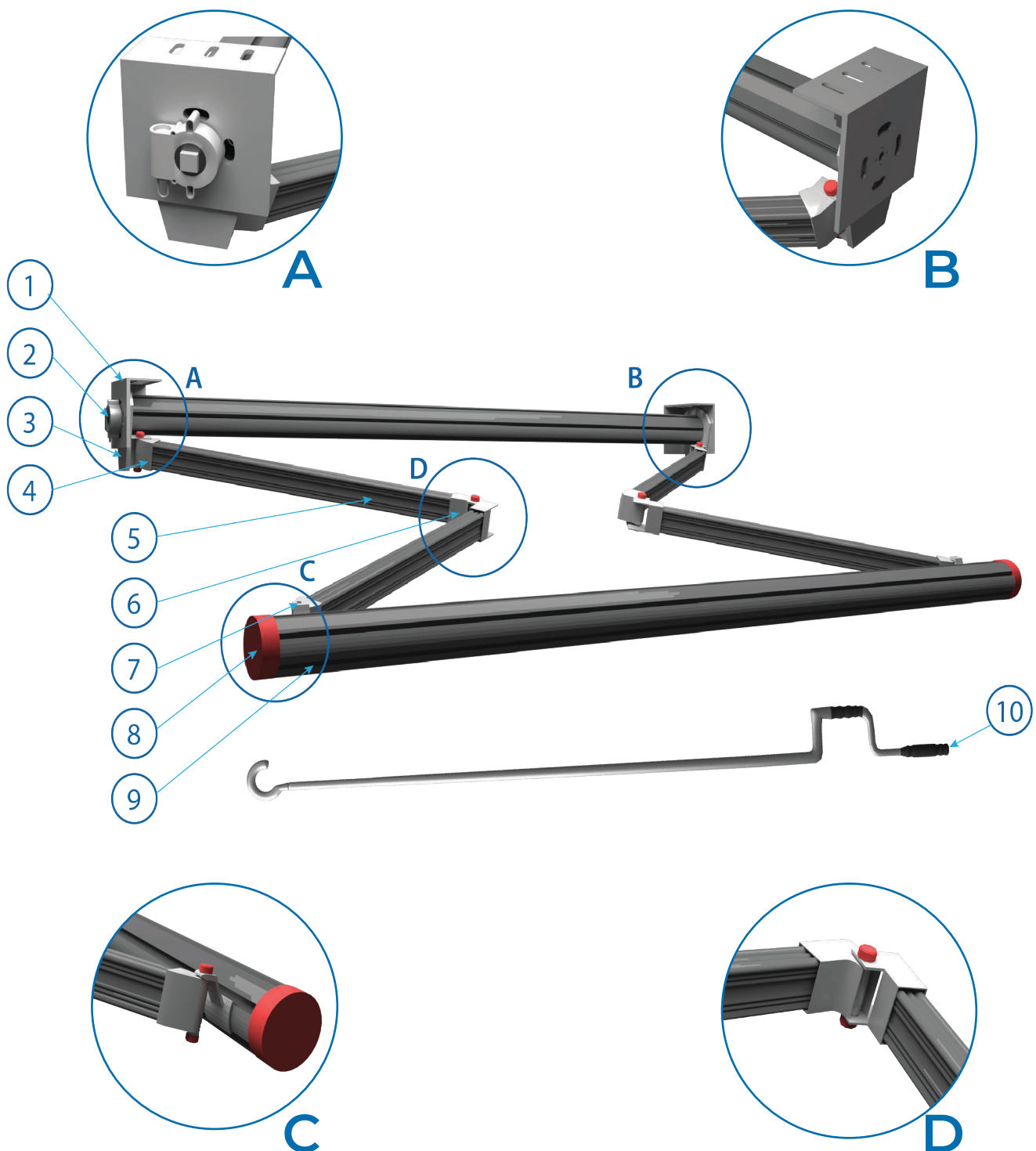
Quy cách bó: 10 cây/ bó

MÁI HIÊN DI ĐỘNG



ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Linh hoạt trong cách sử dụng, có thể thu vào hoặc quay mái che ra trong. việc che nắng, che mưa.
- Khung nhôm có độ bền cao, có thể sử dụng trên 20 năm hoặc lâu hơn nếu bảo quản tốt.
- Không chiếm nhiều không gian ngoài trời.
- Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng.
- Đa dạng kích thước và độ dày của khung nhôm theo nhu cầu sử dụng.
- Độ dày: 0.6 - 0.9 - 1.0 mm



CHÚ THÍCH (Note)

1/ Bát vuông (Wall Bracket)

2/ Hộp số (Gear box)

3/ Bát tròn (Roller)

4/ Liên kết tay đỡ (Arm shoulder)

5/ Tay đỡ (Folding arm)

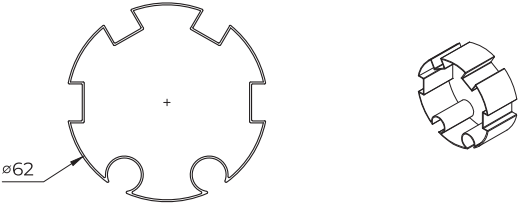
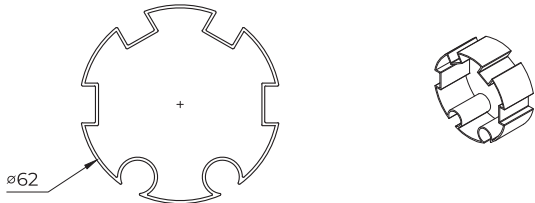
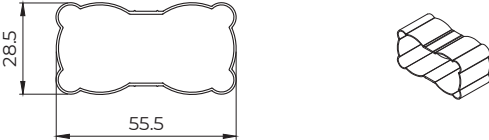
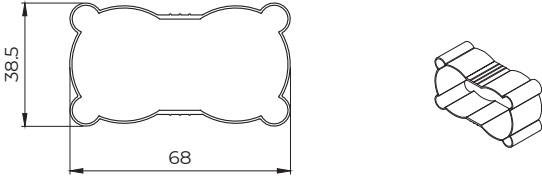
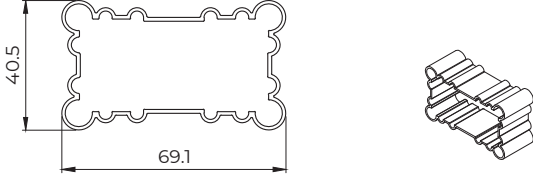
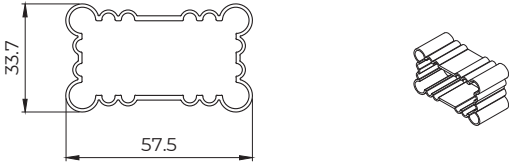
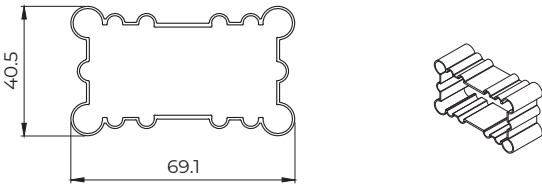
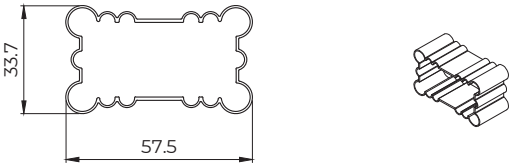
6/ Liên kết tay đỡ (Arm shoulder)

7/ Bát liên kết ống tròn (Pivoting arm wrist)

8/ Nắp mái hiên (Front bar frame)

9/ Khung mái hiên (Front bar frame)

10/ Tay quay mái hiên (Front bar crank)

34101  T 0.60 mm	KHUNG MÁI HIÊN	34102  T 0.90 mm	KHUNG MÁI HIÊN
34103  T 0.65 mm	TAY ĐỖ 1	34104  T 0.75 mm	TAY ĐỖ 2
34105  T 1.10 mm	TAY ĐỖ 3	52108  T 1.00 mm	TAY ĐỖ 4
34107  T 0.75 mm	TAY ĐỖ 3	34108  T 0.65 mm	TAY ĐỖ 4

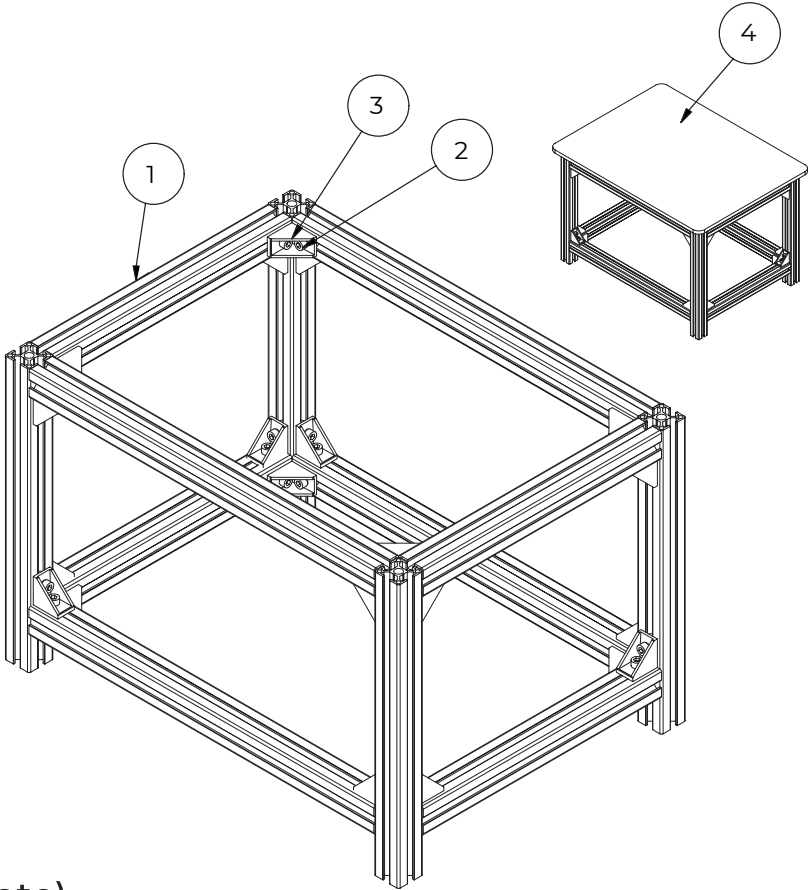


KHUNG LẮP RÁP

Sơ đồ lắp đặt 3D

Khung lắp ráp

BÀN LÀM VIỆC - STA0001



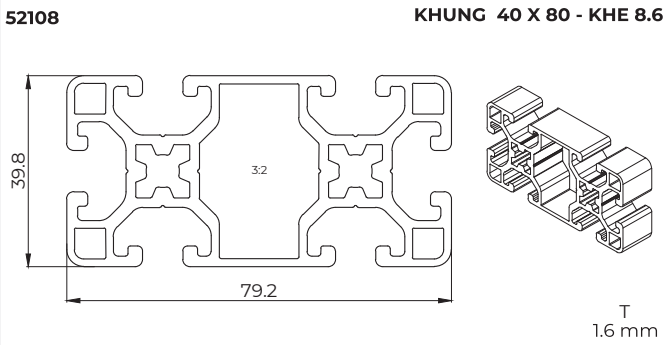
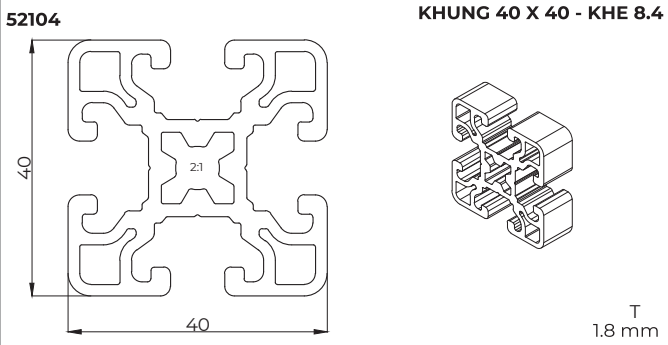
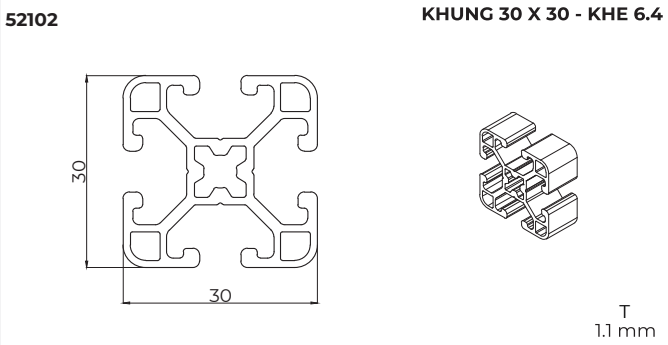
CHÚ THÍCH (Note)

1/ Khung 40x40 / 30x30

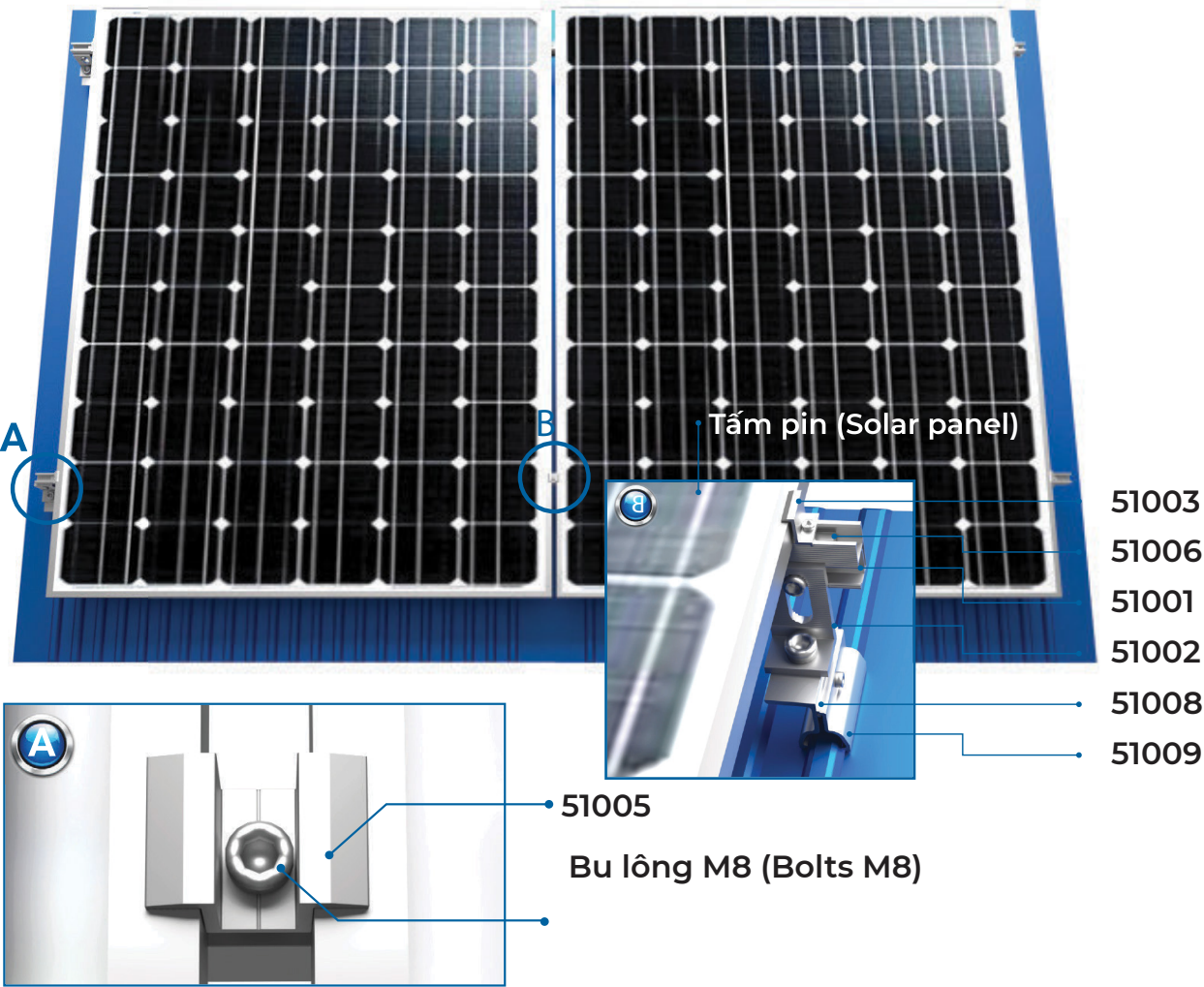
2/ Bu lông m6x12

3/ Ke góc 90°

4/ Mặt bàn



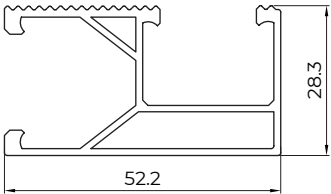
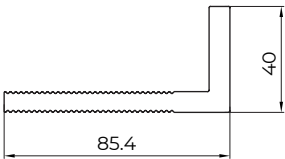
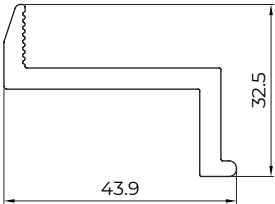
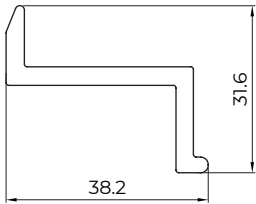
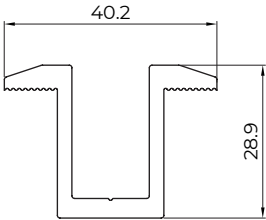
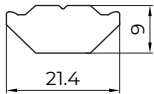
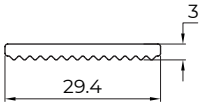
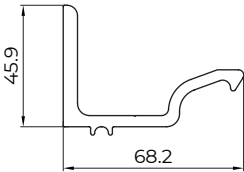
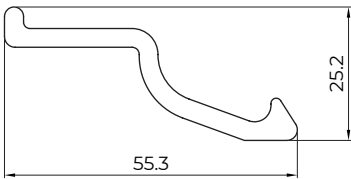
KHUNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



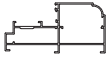
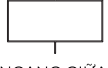
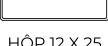
ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

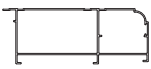
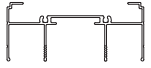
- Thiết kế của hệ khung có khả năng chịu đựng sức gió lớn, đảm bảo kết cấu vững chắc.
- Tải trọng nhẹ lắp đặt được nhiều vị trí.
- Thiết kế đơn giản dễ dàng cho quá trình lắp ráp.
- Sử dụng năng lượng mặt trời giúp tiết kiệm chi phí điện năng và góp phần bảo vệ môi trường.
- Giá thành hợp lý.

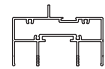
THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước ray nhôm	2.1 m x 4.2 m
Kích thước chân đỡ chữ L	40x85x6 mm
Độ dày Profile	1.3 mm

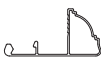
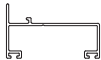
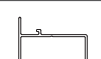
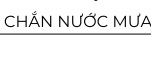
51001  THANH RAIL 2 T 1.30 mm	51002  CHÂN L T 7.83 mm
51003  KỆP CUỐI 1 T 4.00 mm	51004  KỆP CUỐI 2 T 3.51 mm
51005  KỆP GIỮA 1 T 2.75 mm	51006  NÚT 1 T 9.0 mm
51007  THANH NỐI RAIL T 3.00 mm	51008  KỆP TÊN 1 T 4.20 mm
51009  KỆP TÊN 2 T 3.60 mm	

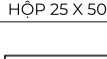
DANH MỤC MẶT CẮT

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
10100	 NỆP CỐ ĐỊNH 10MM
10150	 HỘP 10X15
10200	 HỘP 10X20
10400	 NỆP CHE KHUNG BAO
10500	 KHUNG BAO
11020	 NGANG GIỮA
1102T	 NGANG GIỮA
11030	 ĐỨNG HÔNG
1103T	 ĐỨNG HÔNG
11040	 CÁNH ĐỨNG MÓC
1104T	 CÁNH MÓC
11050	 CÁNH TRƠN
1105T	 CÁNH TRƠN
11130	 ĐỨNG HỖ
1113T	 ĐỨNG HỖ
12200	 HỘP 12 X 20
12250	 HỘP 12 X 25

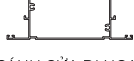
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
12500	 KHUNG BAO NỔI
12830	 KHUNG LÁ SÁCH
15410	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
15410	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
15430	 KHUNG BAO ĐỨNG
15430	 KHUNG BAO ĐỨNG
15440	 KHUNG CÁNH NGANG TRÊN
15440	 KHUNG CÁNH NGANG TRÊN
15450	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI NHỎ
15450	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI NHỎ
15460	 KHUNG CÁNH ĐỨNG
15460	 KHUNG CÁNH ĐỨNG
15470	 KHUNG CÁNH ĐỨNG MÓC
15470	 KHUNG CÁNH MÓC
15480	 NỆP ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH
15490	 ỐP KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG
15490	 ỐP KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG

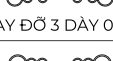
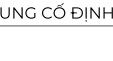
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
15510	 TRUNG GIAN TRÊN
15510	 TRUNG GIAN TRÊN
15550	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI LỚN
15550	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI LỚN
15590	 KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH
15590	 KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH
15780	 NỔI VÁCH KÍNH NGANG
15780	 NỔI VÁCH KÍNH NGANG
17182	 RAY DƯỚI CỬA ĐI LỬA
17182	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI CỬA LỬA
19200	 LÁ SÁCH
19420	 RAY DƯỚI CỬA SỐ LỬA
19420	 RAY DƯỚI CỬA SỐ LỬA
20200	 HỘP 20 X 20
20400	 HỘP 20 X 40
22270	 ĐẾ 10 LY
22280	 NỆP 10 LY

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
22350	 ĐẾ BẦU
22360	 NẾP BẦU
22900	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI
22903	 ĐỔ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỔ
22903	 ĐỔ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỔ
2290N	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI
23151	 KHUNG BAO
23151	 KHUNG BAO
23156	 CÁCH CỬA MỞ TRƯỢT
23156	 CÁCH CỬA MỞ TRƯỢT
23157	 THANH ỐP MÓC
23158	 TRUNG GIAN 4 CÁCH
23159	 CHẤN NƯỚC MƯA
24010	 MÁNG DƯỚI
24050	 KHUNG BAO 2 CÁCH
24070	 CÁCH MÓC
24090	 MÁNG TRÊN

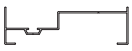
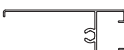
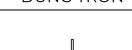
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
24120	 TRUNG GIAN
24130	 MÁNG DƯỚI
25100	 HỘP 25 X 100
25250	 HỘP 25X25
25250	 HỘP 25 X 25
25380	 HỘP 25 X 38
25380	 HỘP 25 X 38
25500	 HỘP 25 X 50
25500	 HỘP 25 X 50
25500	 HỘP 25 X 50
25760	 HỘP 25 X 76
26180	 MÁNG DƯỚI
26180	 ĐỔ CỐ ĐỊNH VÁCH KÍNH
30300	 HỘP 30 X 30
30330	 ĐỔ ĐỘNG CỬA SỔ
30500	 HỘP 30 X 50
30600	 HỘP 30 X 60

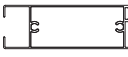
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
32030	 ĐỔ CỐ ĐỊNH CỬA SỔ
32030	 ĐỔ CỐ ĐỊNH CỬA SỔ
32080	 KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG
32080	 KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG
32090	 KHUNG BAO CỐ ĐỊNH CỬA SỔ
32090	 KHUNG BAO CỐ ĐỊNH CỬA SỔ
3209A	 KHUNG CỐ ĐỊNH CỬA ĐI
3209A	 KHUNG CỐ ĐỊNH CỬA ĐI
32110	 KHUNG BAO NGANG TRÊN 3 RAY
32110	 KHUNG BAO NGANG TRÊN 3 RAY
32120	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI 3 RAY
32120	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI 3 RAY
32130	 KHUNG BAO ĐỨNG 3 RAY
32130	 KHUNG BAO ĐỨNG 3 RAY
32860	 NẾP KÍNH 27MM
32950	 NẾP KÍNH 14MM
32960	 NẾP KÍNH 13MM

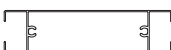
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
33000	 NỐI KHUNG VÁCH KÍNH
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI
33100	 NỐI KHUNG VÁCH KÍNH
33130	 ĐỔ CỐ ĐỊNH CHIA CÁCH CỬA SỔ
33130	 ĐỔ CỐ ĐỊNH CHIA CÁCH CỬA SỔ
33180	 KHUNG BAO CỬA SỔ
33180	 KHUNG BAO CỬA SỔ
33230	 ĐỔ ĐỘNG CỬA ĐI
33230	 ĐỔ ĐỘNG CỬA ĐI
33260	 NỐI KHUNG 90 ĐỘ
33260	 NỐI KHUNG 90 ĐỘ
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI

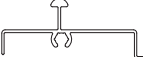
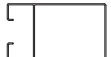
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI
33290	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI
33290	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG
34101	 KHUNG MÁI HIỀN
34102	 KHUNG MÁI HIỀN
34103	 TAY ĐỖ 1 DÂY 0.65
34104	 TAY ĐỖ 2 DÂY 0.75
34105	 TAY ĐỖ 3 DÂY 1.1
34106	 TAY ĐỖ 4 DÂY 1.0
34107	 TAY ĐỖ 3 DÂY 0.75
34108	 TAY ĐỖ 4 DÂY 0.65
38019	 KHUNG BAO CỬA ĐI 100
38039	 KHUNG CỐ ĐỊNH 100

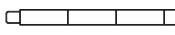
38380	 HỘP 38 X 38
38380	 HỘP 38 X 38
38760	 HỘP 38 X 76
38760	 HỘP 38 X 76
40400	 HỘP 40 X 40
40800	 HỘP 40 X 80
42210	 LÁ SÓNG
42230	 LÁ PHẪNG
43320	 LÁ HỘP
4332G	 LÁ HỘP
44100	 HỘP 44X100
44760	 HỘP 44 X 76
45900	 TRUYỀN KHÓA ĐA ĐIỂM
50078T	 THANH TRUNG GIÀN
50500	 HỘP 50 X 50
50500	 HỘP 50 X 50
50510	 MĂNG TRÊN

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
50520	 MĂNG DƯỚI
50530	 KHUNG ĐỨNG
50540	 NGANG TRÊN
50550	 NGANG DƯỚI
50560	 ĐỨNG MÓC
50570	 ĐỨNG TRƠN
50580	 GHÉP MĂNG
51001	 THANH RAIL 2
51002	 CHÂN L
51003	 KẸP CUỐI 1
51004	 KẸP CUỐI 2
51005	 KẸP GIỮA 1
51006	 NÚT 1
51007	 THANH RAIL
51008	 KẸP TỖN 1
51009	 KẸP TỖN 2
51260	 TRUNG GIAN

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
52102	 KHUNG 30 X 30 KHE 6.4MM
52104	 KHUNG 40 X 40 KHE 8.2MM
52108	 KHUNG 30 X 30 KHE 8.2MM
54090	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI ÂM NỀN
6002P	 C.TỦ ÁO GỖ
6002T	 CÁNH TỦ ÁO
60030	 LÁ ĐẦU TỦ
70020	 KHUNG ĐỨNG
70050	 NGANG GIỮA
7005B	 NGANG GIỮA
70060	 GHÉP GIỮA
70110	 ĐỨNG GIỮA
70120	 ĐỨNG HỘP
70190	 ĐỨNG HỖ
70510	 TRÊN DƯỚI
70520	 ĐỨNG TRƠN
70530	 ĐỨNG MÓC

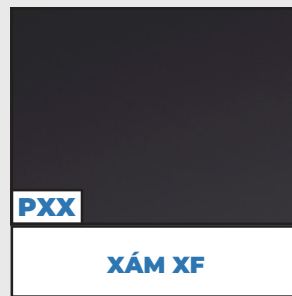
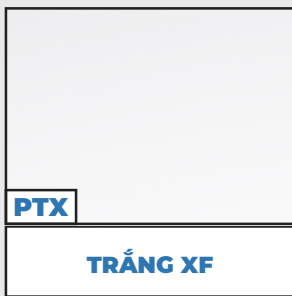
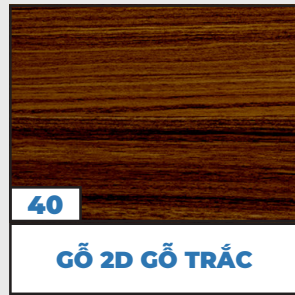
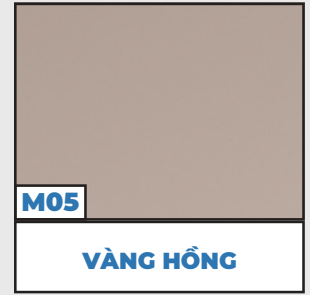
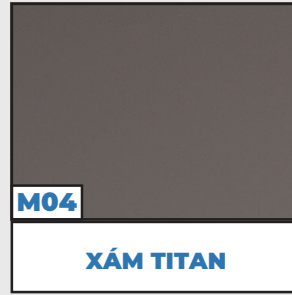
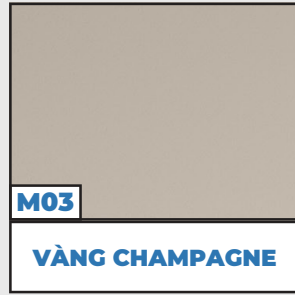
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
70540	 ĐỔ GIỮA
71090	 NGANG HỖ
73101	 KHUNG CÁNH TỦ
73102	 KHUNG CÁNH TỦ MỖ
73103	 KHUNG CÁNH TỦ LỬA
76470	 NỆP LỚN
76480	 NỆP BỂ NHỎ
76760	 HỘP 76 X 76
80920	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ
80920	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ
8092N	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ
97420	 CÂY E
97430	 RẦY DƯỚI
9743B	 RẦY MỎNG
97450	 KẸP KIẾNG
97530	 CÁNH TRƠN
97540	 CÁNH MÓC

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
97590	 BO 2 RÃNH
98410	 ĐẾ 5MM
98420	 NẾP 5MM
99130	 KHUNG BAO ĐỨNG
99140	 RAY DƯỚI 1 CÁNH
99150	 MÁNG TRÊN 1 CÁNH
99510	 NGANG DƯỚI
99520	 CÁNH TRƠN
99540	 NGANG TRÊN
F5200	 ỐP GIỮA 2 CÁNH MỞ
F5210	 NẾP CÁNH 15MM
F5220	 KHUNG CÁNH
F5230	 KHUNG CÁNH
F6050	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
F6060	 KHUNG BAO ĐỨNG
F6070	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI
F6080	 KHUNG LIÊN KẾT NGANG TRÊN

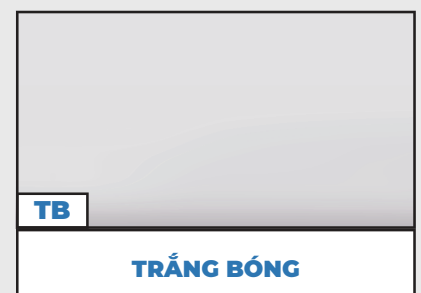
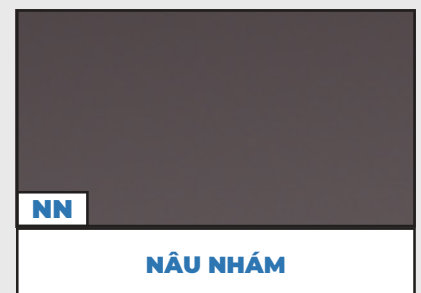
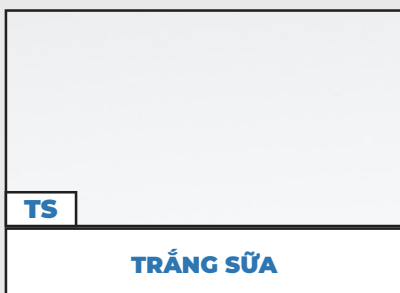
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
F6090	 KHUNG LIÊN KẾT NGANG DƯỚI
P1200	 PHI 12
P1400	 PHI 14
P1600	 PHI 16
P1600	 PHI 16
P1900	 PHI 19
P2200	 PHI 22
P2500	 PHI 25
P2500	 PHI 25
P3200	 PHI 32
P8000	 PHI 8
P8000	 PHI 8
TPIG0	 LÁ HỘP PHẪNG
U1000	 U 10X10
U1200	 U 12X12
U7000	 U 7X12
V1000	 V 10X10

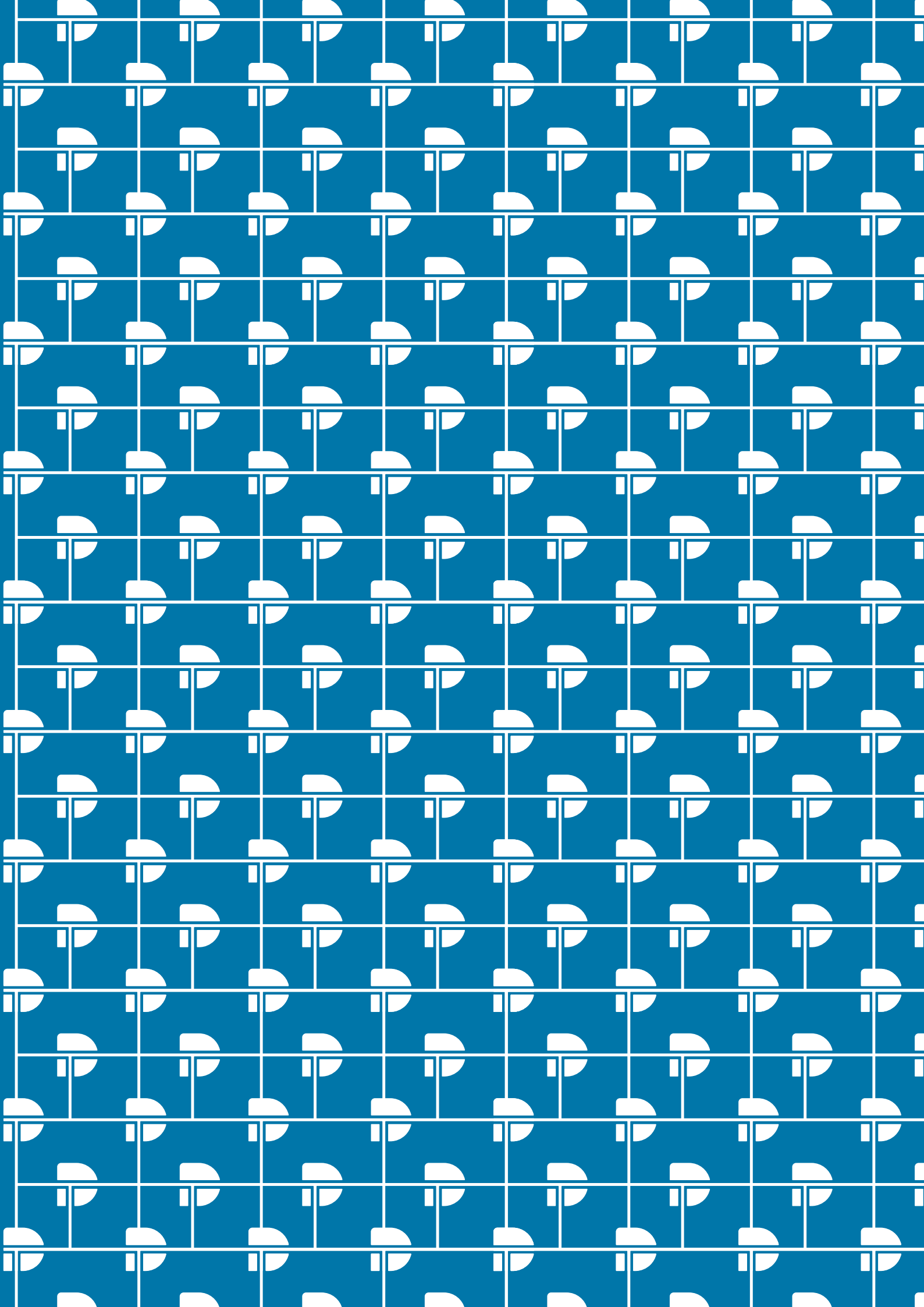
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
V1200	 V 12X12
V2000	 V 20X20
V2500	 V 25X25
VH052	 KHUNG BAO
VH052T	 KHUNG BAO
VH076	 NẮP KHUNG BAO
VH076T	 ỐP GIỮA 2 CÁNH MỞ

MÀU NHÔM HỆ DT55



MÀU NHÔM HỆ THÔNG DỤNG







CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ NHÔM AN LẬP PHÁT

H19-H20-20A, Đường số 3 VÀ SỐ 6, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân,
Xã Bình Lợi, TP. Hồ Chí Minh

HOTLINE: 1800 6332

EMAIL: contact@anlapphat.com



THƯƠNG HIỆU VÀ PHÂN PHỐI BỞI CÔNG TY NHÔM 